**PHẦN V**

**NHỮNG SỰ VIỆC ĐÁNG NHỚ VỀ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT**

**THỜI KỲ 1991-2005**

Đây là một thời kỳ kéo dài 15 năm kết thúc vào năm 2005 để đánh dấu 60 năm nhìn lại quá trình phát triển sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta. Ở thời kỳ này khoa học kỹ thuật trồng trọt phát triển mạnh mẽ, nhất là trong lĩnh vực giống cây trồng phục vụ sản xuất nông sản hàng hóa chất lượng theo hướng thị trường và xuất khẩu. Chúng tôi cố gắng tập hợp, lựa chọn một số sự việc đáng nhớ diễn ra trong thời kỳ này 1991-2005 hy vọng có thể giúp được ít nhiều trong việc sưu tầm, nghiên cứu đối với công tác nghiệp vụ của ngành.

**I. CỤC KHUYẾN NÔNG ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG**

Cục Khuyến nông được thành lập theo Nghị định 13/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ và Quyết định số 346/TTg ngày 28/5/1993, Về công tác khuyến nông, Quy định về nhiệm vụ và quyền hạn Cục Khuyến nông và Khuyến lâm

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ra Quyết định số 1696 NN-TCN/QĐ ngày 28/5/1993 về nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể và tổ chức bộ máy của Cục Khuyến nông Khuyến lâm. Đồng thời Bộ trưởng cũng ban hành 22 Chương trình khuyến nông và 8 chương trình khuyến lâm (1997-2000) như sau:

- Chương trình khuyến nông chuyển đổi cơ cấu sản xuất và mùa vụ.

- Chương trình khuyến nông cây lúa

- Chương trình khuyến nông cây ngô lai

- Chương trình khuyến nông cây có dầu ngắn ngày (đậu tương, lạc, vừng)

- Chương trình khuyến nông dâu tằm tơ

- Chương trình khuyến nông cây mía đường

- Chương trình khuyến nông cây ăn quả, rau, cây cảnh

- Chương trình khuyến nông cây cà phê

- Chương trình khuyến nông cây chè

- Chương trình khuyến nông phân bón

- Chương trình khuyến nông bông vải

- Chương trình khuyến nông nuôi lợn hướng lạc

- Chương trình khuyến nông chăn nuôi gia cầm trong nông hộ

- Chương trình khuyến nông cải tạo đàn bò vàng Việt Nam

- Chương trình khuyến nông phát triển đàn bò sữa trong nông hộ

- Chương trình khuyến nông cải tiến đàn dê

- Chương trình khuyến nông cải tiến đàn ong nội

- Chương trình khuyến nông phát triển cây cao su trong nông hộ

- Chương trình khuyến nông về chế biến và bảo quản nông sản

- Chương trình khuyến viên ( Hội Làm vườn Việt Nam VACVINA)

- Chương trình khuyến nông huấn luyện đào tạo

- Chương trình khuyến nông tăng cường năng lực khuyến nông

Các chương trình khuyến lâm gồm có:

- Chương trình nông lâm kết hợp canh tác trên đất dốc sau nương rẫy

- Chương trình canh tác bền vững trên đất bạc màu thoái hóa và đồi trọc

- Chương trình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng

- Chương trình tuyển chọn rừng giống, cây bản địa, cây đặc sản quý hiếm

- Chương trình trồng cây nhân dân vùng đồng bằng và ven biển

- Chương trình phòng chống sâu bệnh hại và cháy rừng

- Chương trình chất lượng nuôi trồng và chế biến lâm đặc sản ngoài gỗ

- Chương trình đào tạo, huấn luyện và tuyên truyền phổ cập khuyến lâm.

Ba mươi chương trình khuyến nông và khuyến lâm trên đây là những chương trình có mục tiêu và giải pháp tổ chực thực hiện đồng bộ, đạt được kết quả khả quan, được nông dân ủng hộ, đồng tình ghi nhận khuyến nông là bạn đồng hành của họ trên con đường xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đánh giá công lao của Cục Khuyến nông và Khuyến lâm, Chính phủ đã hai lần trao tặng Huân chương Lao động hạng 3 vào dịp 5 năm và 20 năm ngày thành lập Hệ thống khuyến nông Việt Nam. Trong bộ phim tài liệu nhiều tập “ Thời đại Hồ Chí Minh- Biên niên sử truyền hình” tập 93 đã đưa việc thành lập Hệ thống khuyến nông Việt Nam tháng 3/1993 là một sự kiện trong năm 1993.

Tuy vậy, Khuyến nông là gì? cũng có nhiều người hiểu theo các khái niệm khác nhau thậm chí có người làm công tác chuyên môn, công tác quản lý, lãnh đạo khuyến nông hiểu về khuyến nông cũng chưa đầy đủ. Vì vậy nên thống nhất khái niệm “Khuyến nông là cách giáo dục ngoài học đường cho nông dân và là một dịch vụ thông tin nhằm cung cấp cho nông dân những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đối với những kỹ thuật mới, những kinh nghiệm sản xuất hay, những thông tin về thị trường để giúp người nông dân tự xử lý công việc của bản thân, gia đình, cộng đồng, quê hương họ nhằm thúc đẩy sản xuất, nâng cao dân trí, góp phần xây dựng và phát triển nông thôn mới”

Khuyến nông ngày nay là nối tiếp truyền thống của cha ông đã có từ hơn 1.000 năm trước đây đó là:

- Đời Nhà Lê: (năm 941), hàng năm Vua xuống đồng dịp đầu xuân mở đường cày khai hội Tịch điền, khuyến khích nông dân hăng hái sản xuất, mùa màng bội thu.

- Đời Nhà Trần: (1926-1400), đã thiết lập các chức quan: Hà đê sứ, Đồn điền sứ, Khuyến nông sứ trông coi nông nghiệp chỉ bảo nông dân cày cấy, chăn nuôi.

- Năm 1789. Vua Quang Trung đã ban bố “Chiếu dịch Khuyến nông”, khuyến khích quân dân chăm lo sản xuất để nước nhà thịnh vượng.

- Ngày 25/11/1945, dự bế giảng Lớp huấn luyện cán bộ Việt Minh khóa 5, Hồ Chủ tịch đã căn dặn “Ra về các chú phải làm tốt công tác khuyến nông”.

Thế nhưng trong công tác tinh giảm biên chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy cán bộ có những thời điểm hệ thống tổ chức khuyến nông đứng trước nguy cơ tách, nhập. Sự thăng trầm ấy đã tác động không nhỏ tới tính ổn định của bộ máy khuyến nông. Hy vọng rằng Hệ thống tổ chức khuyến nông từ Trung ương tới cơ sở (trong đó có Trung tâm Khuyến nông, Khuyến ngư Quốc gia hiện nay) sẽ vẫn được duy trì và phát triển.

**II. PHÁT TRIỂN LÚA LAI Ở NƯỚC TA**

**1. Sản xuất lúa lai đại trà**

Trước vụ mùa năm 1989, Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn giao cho Vụ Sản xuất khoảng hai kg thóc và nói: “Đây là giống lúa mới có năng suất rất cao, anh em bên sứ quán ta gửi về, Vụ tìm nơi nào đó nhân giống lên và kết quả báo cáo Bộ”.

Ông Lê Hồng Nhu, Tổ trưởng Tổ Cây lương thực của Vụ Sản xuất lúc đó được giao nhiệm vụ gieo trồng thí điểm. Ông đem một nửa số thóc xuống Trạm Bảo vệ thực vật Đồng bằng ở Văn Lâm, Hưng Yên cùng Trạm tiến hành gieo cấy thử. Cấy liền 2 vụ ở Trạm, năng suất vụ đầu còn khá, vụ sau thấp dần và phân ly nhiều. Ông Nhu tổng kết và về báo cáo với Bộ trưởng Tạn tình hình gieo thử. Bộ trưởng bảo: Có thể cậu làm chưa đúng kỹ thuật vì họ bảo bên đó lúa tốt nhất hiện nay.

Công việc trồng thử tiếp với số thóc còn giữ lại tại hợp tác xã Song phượng (huyện Đan Phượng tỉnh Hà Tây cũ) nay thuộc Hà Nội. Cũng như tại Trạm Bảo vệ thực vật Đồng bằng, thời kỳ lúa sinh trưởng dinh dưỡng khá đẹp nhưng khi lúa trỗ và chín thì phân ly rất nhiều, năng suất quy ra chỉ được khoảng 4-4,5 tấn /ha. Vụ đã báo cáo với Bộ trưởng năng suất không cao, ruộng lúa bị phân ly nhiều. Bộ trưởng bảo: Thôi để xem thế nào.

Bộ trưởng Tạn đã nhờ người ở bên ấy tìm tài liệu về giống lúa này và gửi cho Bộ trưởng. Ít ngày sau, Bộ trưởng cầm tập tài liệu xuống Vụ và nói với anh em: “Các cậu gieo thử không đạt là đúng, tài liệu nó bảo đấy là lúa lai (tạp giao), hạt chỉ cấy được một vụ thôi, vụ sau lại trồng bằng hạt mới. Tớ sẽ nhờ Sở Nông nghiệp Quảng Ninh cùng cậu Nhu sang Đông Hưng, Quảng Tây xem cụ thể thế nào.

Quảng Ninh nhận được đề nghị của Bộ trưởng, ông Từ Khải Hồng, nguyên Giám đốc Sở Nông nghiệp Quảng Ninh, có mối quan hệ thân thiết với phía Đông Hưng từ trước đặt vấn đề với Phòng Nông nghiệp Phòng Thành, họ đồng ý tiếp đoàn.

Thế là ông Lê Hồng Nhu cùng ông Từ Khải Hồng và ông Nguyễn Văn Thắng, Phó giám đốc Sở Nông nghiệp Quảng Ninh qua đường Móng Cái để sang Đông Hưng. Chiến tranh vừa dứt, Móng Cái bị san phẳng không còn một nóc nhà, cầu sang Đông Hưng cũng bị đánh sập, đoàn phải đi thuyền vượt sông sang Đông Hưng. Phòng Nông nghiệp Đông Hưng nhờ một xe của Quân đội đi đón đoàn. Mặc dù chiến tranh biên giới đã kết thúc nhưng quân đội vẫn dàn khắp nơi, không khí chiến tranh vẫn còn bao phủ.

Tuy vậy, cán bộ nông nghiệp gặp nhau hình như không có ảnh hưởng gì trong quan hệ vì chiến tranh, vẫn coi nhau như anh em. Đoàn làm việc với Phòng Nông nghiệp Đông Hưng, họ giới thiệu tỷ mỉ về lúa lai, cung cấp cho tài liệu và còn dẫn đoàn đi thăm các điểm trình diễn.

Sau hai ngày làm việc và đi thăm các nơi, đoàn trở về với đầy đủ thông tin về lúa lai. Qua Móng Cái đoàn còn đi xem rất nhiều ruộng nhân dân tự mua giống lúa lai của Trung Quốc về trồng rất tốt.

Ông Lê Hồng Nhu về báo cáo toàn bộ tình hình bên Đông Hưng với Cục và Bộ trưởng và về việc nông dân Móng Cái đã mua giống của Trung Quốc đang cấy ở trên đồng rất tốt.

Bộ trưởng liền ra thăm Móng Cái, Quảng Ninh thấy nông dân mua giống lúa lai từ bên Trung Quốc về gieo cấy một cách tự phát, lúa tốt thật, năng suất cao 8-9 tấn/ha/vụ. Bộ trưởng đặt vấn đề với Sở Nông nghiệp Quảng Ninh mua hộ một lượng giống lúa lai để về trồng trình diễn. Mua được giống, Bộ giao cho lúc đó là Cục Khuyến nông làm mô hình trình diễn ở hợp tác xã Phú Lập, huyện Phú Xuyên, (tỉnh Hà Tây cũ). Trên diện tích 55,3 ha, bằng 23% diện tích lúa Đông xuân của hợp tác xã với giống lúa lai Sán ưu quế 99. Năm ấy trồng thử lúa lai được mùa lớn, năng suất đã đạt bình quân 9,6 tấn/ha /vụ, một số hộ năng suất trên 10 tấn/ha. Bộ mời các tỉnh từ Nghệ Tĩnh (cũ) trở ra đến họp Hội nghị đầu bờ tại Phú Lập để tham quan và mở rộng diện tích gieo cấy lúa lai ngay vụ Đông Xuân sau. Về dự Hội nghị có 83 ô tô lớn nhỏ rồng rắn về Phú Lập. Ông Cử, Phó Chủ tịch huyện nói rằng: Huyện chúng tôi chưa bao giờ có một hội nghị to đến như thế. Đấy là chưa kể các tỉnh ra về còn tổ chức những đoàn của tỉnh mình ra tham quan lúa lai Phú Lập. Tại Hội nghị Bộ tặng hợp tác xã một chiếc ti vi màu, một sản phẩm rất hiếm và quý lúc bấy giờ để động viên hợp tác xã Phú Lập. Tuy được khen nhưng con đường vào hợp tác xã bị hỏng nghiêm trọng vì quá nhiều xe đi về Phú Lập khi đó.

Vụ sau có 22 tỉnh, thành phố (gồm 7 tỉnh miền Núi, 2 tỉnh Trung du, 7 tỉnh đồng bằng sông Hồng và 5 tỉnh Khu 4 cũ) triển khai gieo cấy lúa lai. Nhiều nhất là Quảng Ninh 571 ha, Hà Tây 288 ha. Năng suất trên diện tích đại trà đạt 4,7- 7,2 tấn/ha. Ở các vùng sinh thái trên đây cũng có những điển hình đạt 7,5-8,5 tấn/ha. So sánh với các giống lúa thường, có tiềm năng năng suất cao như: IR17494, DT10 thì năng suất lúa lai tăng khoảng 20-30%.

Khởi nguồn và những ngày đầu phát triển lúa lai vào sản xuất đại trà ở nước ta là như vậy. Sau 10 năm (1992-2001) kết quả đạt được như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Năm  1992 | Năm  1996 | Tốc độ  Bq% | Năm  1997 | Năm  2001 | Tốc độ  Bq% |
| DT (1000 ha) | 11,34 | 102,8 | + 55,5 | 187,70 | 438,7 | +23,6 |
| NS (Tấn/ha) | 6,66 | 6,58 | - 0,2 | 6,35 | 5,85 | -0,2 |
| SL (1000 tấn) | 75,52 | 677,17 | +55,3 | 1.191,89 | 2.763,71 | +23,4 |

Sau 10 năm đầu phát triển lúa lai chiếm gần 6% diện tích lúa cả nước và chiếm hơn 18% diện tích lúa của miền Bắc. Diện tích lúa lai các năm sau này đã đạt được như sau: Năm 1999: 600.000 ha, năm 2004: 577.000 ha, năm 2005: 540.000 ha, năm 2006: 600.000 ha, năm 2007: 620.000 ha.

Cho đến năm 2010 diện tích lúa lai chiếm 10-15% diện tích lúa cả nước. Riêng các tỉnh miền Bắc lúa lai chiếm 32-33% diện tích lúa Đông Xuân:. Vụ Mùa chiếm 17-20%. Tỷ lệ lúa lai ở một số tỉnh trong vụ lúa Đông Xuân như sau: Thanh Hóa 57-60%, Nghệ An 72-73%, Lào Cai 80%, Tuyên Quang 60-70%, Yên Bái 60-68%, Phú Thọ 50%.

Vụ Đông Xuân 2010 diện tích lúa lai vùng Nam Trung bộ 14.600 ha (chiếm 8,4% ),Tây nguyên 4.400 ha (chiếm 6%), Đồng bằng sông Cửu Long 6.000 ha (0,3%), Quảng Nam tỷ lệ lúa lai chiếm 10-12%, Bình Định 5-15%, Đăk Lăk 6-14%, Đăk Nông 30-40%.

Năng suất lúa lai bình quân đạt 6,5 tấn /ha (năng suất lúa thường đạt 5,2 tấn /ha) tăng 10-20% so với lúa thường. Một số nơi đạt 9-10 tấn/ha, cá biệt có nơi đạt 11-14 tấn/ha. Một số tỉnh như Quảng Trị 7 tấn/ha tăng so lúa thuần 40%, Gia Lai 8 tấn/ha tăng 35%, Khánh Hòa 9,2 tấn/ha tăng 31%, Đăk Lăk 8,4 tấn /ha tăng 29%, Long An 7,5 tấn/ha tăng 25%, Bình Thuận 6 tấn/ha tăng 20%, Kon Tum 8 tấn/ha 11%, Ninh Thuận 6,1 tấn/ha tăng 7%, Phú Yên 6,1 tấn/ha tăng 5%.

Năng suất cao trên đơn vị diện tích và trên đơn vị một ngày: Ở Sam Mứn (Điện Biên) đạt 100kg/ngày, Văn Quang (Văn Lãng, Lạng Sơn) đạt 90kg/ngày, Hòa Xuân (Buôn Mê Thuột, Đăk Lăk) đạt 86kg/ngày, ở Nà Và (Hòa An, Cao Bằng) đạt 72kg/ngày, ở Pom Lót (Điện Biên) đạt 74kg/ngày.

Tuy nhiên để mở rộng lúa lai vẫn phải khắc phục tình trạng thiếu giống trầm trọng. Mỗi năm cần khoảng 15.000- 18.000 tấn giống nhưng năng lực sản xuất trong nước chỉ có được 400-500 tấn, đáp ứng được 20-25% nhu cầu. Giống lúa lai chủ yếu nhập từ Trung Quốc vừa bị động vế thời vụ vừa bị ép giá (khoảng 80.000-90.000 đ/kg). Giống lúa sản xuất trong nước ít về số lượng và chất lượng giống chưa cao.

Các giống lúa lai được công nhận để đưa vào sản xuất đại trà gồm:

- Giống sản xuất trong nước do các nhà khoa học các doanh nghiệp nghiên cứu, chọn tạo như: VL20, VL24, TH3-3, TH3-4, TH3-5, TH7-2, HYT83, HYT100, HYT102, HYT 103, HC1, TN15, TN16, LC18, LC270.

- Giống nhập nội: Nam Ưu 601, Nam Ưu 604, Thanh Ưu 3, Bác Ưu 903 KBL, Nhị Ưu 838, D ưu 527, Nhị Ưu 63, Khải Phong 1, Q ưu 1, Thục Hưng 6, CNR36, Nhị Ưu 86, Nhị ưu 7, Nam Ưu 69, Nghi Hương 2108, Phú Ưu 4, D Ưu 725, D Ưu 6511, Nhị Ưu 986, Nam Ưu 901, Nam Ưu 842, Xuyên Hương 178, AriceB-TE1, Đại Dương 8, ZZ001, ZZ004, Vân Hương 14, Thục Hưng 12, Kinh sở Ưu 10, Quốc Hào 6, Thanh Hoa 1, Thiên Ưu 998, Hoa Ưu 108…

**2. Sản xuất hạt giống lúa lai bố mẹ và hạt giống lúa lai F1 tại Việt Nam**

Để có hạt giống bố mẹ cung cấp cho việc sản xuất hạt lai F1 trong nước, Phòng Trồng trọt Cục Khuyến nông khi đó được giao nhiệm vụ chủ trì tiến hành việc nhân dòng bố mẹ (dòng A và dòng B). Phòng Trồng trọt đã liên kết với Công ty giống cây trồng Đức Dương, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc hàng vụ cung ứng cho mấy tấn dòng A và dòng B để duy trì dòng A tại Việt Nam. Phòng đã hợp tác với Trại giống cây ăn quả Khoái Châu, Hưng Yên, nơi có điều kiện lý tưởng về cách ly để nhân giống. Hàng vụ Phòng thuê đất, hướng dẫn kỹ thuật cho công nhân của Trại cùng tiến hành việc duy trì dòng A. Cán bộ của Phòng thay nhau xuống chỉ đạo nhân giống cùng công nhân của Trại. Qua nhiều vụ nhân giống, mọi người đã thành thạo về kỹ thuật như những chuyên gia thực thụ. Mỗi vụ đã nhân và cung ứng cho Chương trình sản xuất hạt lai hàng chục tấn giống bố mẹ, tổ hợp Bác ưu quế 99 với chất lượng bảo đảm để sản xuất hạt giống lúa lai F1.

Nhớ mãi một lần ba anh em trong Phòng gồm anh cả Nguyễn Văn Hợp cùng Cục phó Quách Ngọc Ân và Trưởng phòng Lê Hồng Nhu đi một xe Com măng ca lên cửa khẩu Lào Cai để nhận 500kg hạt giống bố mẹ. Khi xe quay trở về, đằng sau xe chất đầy hạt giống, đi đến huyện Lục Yên trời đã chiều muộn, vào một khúc cua gấp, phía dưới một xe bồn chở xăng đi lên, phía trên xe chở giống đi xuống hai xe cùng vào khúc cua gấp, lúc nhìn thấy nhau gần quá không tránh kịp thế là lao đầu trực diện vào nhau. Xe bồn bẹp đầu, ra sát mép đường may không cháy và không lao xuống vực, xe chở giống quay 180o, đổ nghiêng vào taluy núi, nát đầu, vỡ két nước máy hỏng nặng. Giống ở đằng sau đè kín ông Hợp và ông Ân ngồi ghế sau kêu cứu. Ông Nhu và hai lái xe phá cửa kéo thóc và cứu được hai ông ra, may mà tất cả mọi người chỉ bị đau và xây xước. Đêm ấy, Cục đã liên hệ với Trung tâm Khuyến nông tỉnh Yên Bái đưa xe lên đón chúng tôi về Lâm trường Lục Yên cách đó độ 10 cây số nghỉ ngơi ăn tồi sau đó xe đưa anh em về tại Trung tâm Khuyến nông tỉnh còn hai lái xe vào nhờ nhà dân ngay gần đó nghỉ ngủ nhờ qua đêm. Sáng hôm sau Bộ cho xe lên kéo chiếc xe bị nạn về và đưa 3 ông đi nhận giống ở cửa khẩu Lào Cai về Hà Nội. Thật là tý chết vì lúa lai, một kỷ niệm nhớ đời.

**3. FAO tài trợ Dự án phát triển lúa lai của Việt Nam.**

Để tiếp tục phát triền lúa lai, ngay từ khi bắt đầu mở rộng, Cục Khuyến nông đã cùng Vụ Hợp tác Quốc tế trình với Bộ trưởng Dự án đề nghị Tổ chức Lương nông của Liên hiệp quốc (FAO) giúp Việt Nam phát triển lúa lai. Tổ chức FAO đã đồng ý và tài trợ cho Việt Nam 2 dự án liền. Dự án đầu vào năm 1992-1993 và Dự án 2 vào năm 1996-1998. Pha1, FAO đã mời các chuyên gia rất giỏi vế lúa lai của Trung tâm nghiên cứu và phát triển lúa lai Hồ Nam, Trung Quốc ( Giáo sư Yin Hoa Qi-Doãn Hoa Kỳ và Zhou Cheng Shu- Chu Thừa Thứ) và Viện nghiên cứu nông nghiệp tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc (Giáo sư Jiang Ju Bao- Dương Tụ Bảo) và Pha 2 thêm Giáo sư Vermani (từ Viện Nghiên cứu lúa Quốc tế- IRRI) sang giúp Việt Nam đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống lúa lai. Từ đó chúng ta đã xây dựng được đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên nghiên cứu, chỉ đạo chọn tạo giống và sản xuất lúa lai mà nòng cốt ở Cục Khuyến nông, Trại lúa Đồng Văn, Trung tâm lúa lai (Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt nam), Trung tâm Công nghệ sinh học (Trường Đại học nông nghiệp I). Việt Nam thời gian đó cũng cử nhiều cán bộ đi đào tạo, tham quan khảo sát về lúa lai tại Trung Quốc, Ấn Độ đã tạo mối quan hệ thân thiết với một số giáo sư lúa lai của Trung Quốc, Ấn Độ nên đã có được những thực liệu của dòng bất dục, dòng phục hồi để tạo giống và sản xuất hạt giống lúa lai F1 của các tổ hợp lúa lai 2 dòng, 3 dòng ở trong nước.

Hàng năm, Cục Khuyến nông bố trí kinh phí khoảng 1-2 tỷ đồng để hỗ trợ cho các điểm sản xuất hạt giống lúa lai F1 theo định mức kỹ thuật đã được duyệt. Kết quả sản xuất hạt giống lúa lai F1 thuộc Chương trình sản xuất hạt giống F1 lúa lai như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | DT (ha) | NS (kg/ha) | SL (tấn) |
| 1992 | 173 | 302 | 52,32 |
| 1993 | 154 | 379 | 83,70 |
| 1994 | 121 | 492 | 59,60 |
| 1995 | 101 | 982 | 38,20 |
| 1996 | 267 | 1.751 | 467,20 |
| 1997 | 410 | 1.677 | 687,80 |
| 1998 | 325 | 2.200 | 717,00 |
| 1999 | 455 | 1.689 | 769,40 |
| 2000 | 622 | 2.010 | 1.250,00 |
| 2001 | 1.450 | 1.400 | 2.030.00 |
| Cộng | 4.078 | 1.523 | 6.214. 82 |

Sản xuất hạt giống lúa lai F1 trong vụ Đông Xuân rất khó khăn do gặp rét hại ở thởi kỳ mạ, dễ bị chết mạ hàng loạt, mất mạ là mất dòng bất dục (dòng mẹ) và dòng phục hồi (dòng bố) nên rất nguy hiểm khác với mạ lúa lai thương phẩm hay mạ lúa thường. Do đó Cục Khuyến nông đã hợp tác với khuyến nông các tỉnh có nhận sản xuất hạt giống lúa lai F1 và đưa ra quyết định: Nếu điểm sản xuất nào dùng nilon che phủ cho mạ để tránh bị chết rét sẽ được hỗ trợ thêm 100.000 đồng/sào (khoảng 2,7-3 triệu đồng/ha) ngoài chi phí định mức đã hỗ trợ sản xuất hạt giống lúa lai đã ban hành.

Vụ Đông Xuân 1992-1993 bắt đầu thực hiện biện pháp làm mạ có che phủ nilong. Từ mô hình làm mạ có che phủ nilong cho lúa lai được lan rộng ra sản xuất lúa Đông Xuân đại trà ở Miền Bắc. Phong trào nở rộ vào vụ Đông Xuân 1994-1995 (tháng 1 nhiệt độ bình quân cả tháng là 14,7 độ C, tháng 2 là 16,4 độ C) là vụ Đông Xuân rét nặng. Sau này gần như toàn bộ diện tích mạ đại trà gieo trong vụ Đông Xuân đều được che phủ nilong để tránh rét làm chết mạ.

**4. Chuyển sản xuất hạt giống lúa lai vào các tỉnh phía Nam.**

Sản xuất hạt giống lúa lai trong vụ Xuân và vụ Mùa ở các tỉnh phía Bắc thường gặp khó khăn bởi vụ Xuân thường gặp rét, vụ Mùa mưa bão thất thường, sâu bệnh phá hoại. Trong tình cảnh ấy, Cục Khuyến nông đưa ra ý tưởng: Khai thác lợi thế về thời tiết ổn định ở Đồng bằng sông Cửu Long, hiếm khi gặp nhiệt độ thấp (trong vụ Đông xuân) và gió bão (vụ Hè thu) nên sản xuất hạt giống lúa lai rất thuận lợi. Từ đó phần lớn hạt giống lúa lai F1 sản xuất tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và Nam Trung bộ sẽ được chuyển ra ngoài Bắc tiêu thụ. Cách làm này gọi là “Nam sản Bắc tiêu”. Khi trình bày ý tưởng đó với Bộ trưởng, ông tỏ ra nghi ngờ, không phản đối nhưng cũng chẳng mặn mà.

Cục Khuyến nông đã bàn và hỗ trợ, khuyến khích Công ty TNHH thương mại Trang Nông (trụ sở tại quận 5, do ông Ngô Quốc Hồng làm Giám đốc) là đơn vị đi tiên phong ký hợp đồng sản xuất hạt giống lúa lai F1(Tổ hợp Trang nông 15 và Trang nông 16) với nông dân ở Ấp Cầu, xã Khánh Hậu, tỉnh Long An do ông Năm Hải làm đại diện. Được sự đồng tình và quan tâm của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Long An nhất là bà Nguyễn Thị Đính làm Phó Giám đốc Sở nhiệt tình ủng hộ nên công việc triển khai sản xuất hạt giống lúa lai F1 ở Ấp Cầu và Công ty Trang Nông rất thuận lợi. Hàng năm tại đây sản xuất được 50 ha, năng suất bình quân đạt 2,5-3,3 tấn/ha, sản lượng đạt từ 110-165 tấn hạt giống lúa lai F1.

Sau này (2000) Công ty giống cây trồng miền Nam với sự giúp đỡ của Trung tâm lúa lai đã sản xuất hạt giống lúa lai F1 tổ hợp Bác ưu 64 tại Trại giống lúa Cờ Đỏ (Cần Thơ) trên diện tích 5 ha, đạt năng suất 3 tấn/ha bằng phương pháp sạ hàng dòng mẹ, cấy dòng bố. Trại lúa Đồng Văn thuộc Công ty giống cây trồng Trung ương 1, hợp đồng với nông dân huyện Điện Bàn, Đà Nẵng, vụ xuân 2001 với tổ hợp Bác ưu 64 đạt năng suất trên 2 tấn/ha. Vụ xuân năm sau (2002) đã mở rộng diện tích sản xuất hạt giống lúa lai F1 tại nơi này lên tới 300 ha với các tổ hợp Bác ưu 64, Bác ưu 903, Nhị ưu 63, Nhị ưu 838 . Tại Đồng bằng sông Cửu Long vụ xuân 2002 diện tích sản xuất hạt giống lúa lai F1 đã đạt 200 ha, nông dân Nam bộ đã sạ dòng mẹ bằng máy do Viện Nghiên cứu lúa Đồng bằng sông Cửu Long cải tiến, cấy dòng bố bằng mạ thâm canh. Năng suất hạt giống F1 đạt trên 3 tấn/ha, cá biệt có hộ đạt 5 tấn/ha. Thời tiết vụ xuân này khá thuận lợi, nhiệt độ cao và ổn định suốt thời gian sinh trưởng dinh dưỡng, khi lúa phân hóa đòng, trỗ bông phơi mầu gặp nhiệt độ trung bình ngày từ 25-320C, ẩm độ không khí 75-85% trời quang mây, không gặp những ngày mưa liên tục rất thuận lợi cho lúa trỗ bông nên đạt năng suất cao.

Nhìn tổng thể lúa lai có thời kỳ vàng son trong 10 năm đầu phát triển (1992- 2002) góp phần tích cực để đảm bảo an ninh lương thực vững chắc nhất là ở vùng còn thiếu lương thực, xây dựng nền móng đầu tiên cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật sản xuất lúa lai. Đào tạo lớp chim đầu đàn là các nhà khoa học và đội ngũ cán bộ kỹ thuật lúa lai, tạo mối liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và nông dân. Thực hiện chuyển giao kỹ thuật thành công về sản xuất lúa lai cho nông dân. Để đánh giá công lao đó, Chính phủ đã tặng cho tập thể cụm công trình nghiên cứu và phát triển lúa lai Giải thưởng Nhà nước về khoa học công nghệ (năm 2005).

Tuy vậy vẫn còn vấn đề làm sao tự túc đủ hạt giống trong nước, có tổ hợp lúa lai chất lượng cao để đáp ứng không phải cho an ninh lương thực mà cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường, vươn tới xuất khẩu.



**Danh sách các tác giả công trình lúa lai được giải thưởng:**

Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn, Thứ trưởng Ngô Thế Dân, Ks Quách Ngọc Ân, PGS TS Nguyễn Trí Hoàn, KS Lê Hồng Nhu, PGS TS Nguyễn Văn Hoan, PGS TS Nguyễn Thị Trâm, GS TS Hoàng Tuyết Minh, GS TS Trần Duy Quý, GS TS Nguyễn Hữu Nghĩa, GS TS Nguyễn Ngọc Kính.

***Vì sao Công trình Lúa lai không được giải thưởng Hồ Chí Minh:***

Công trình Lúa lai là một công trình lớn giai đoạn 1991-2005 trong ngành nông nghiệp. Về sản xuất nó đã góp phần rất lớn trong việc an ninh lương thực Quốc gia đặc biệt là ở các tỉnh Miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây nguyên. Hàng năm với 600.000 ha lúa lai, mỗi ha tăng bình 1 tấn/ha so với lúa thường thì hàng năm gieo trồng lúa lai đã cho sản lượng tăng hơn 600.000 tấn thóc. Đặc biệt với các tỉnh thiếu lương thực như các tỉnh Khu 4 hay các tỉnh Miền núi thì ý nghĩa lại càng to lớn.

Về khoa học, đây là một lĩnh vực công nghệ cao mà các nhà học Việt Nam như PGS TS Nguyễn Thị Trâm, PGS TS Nguyễn Văn Hoan, PGS TS Nguyễn Trí Hoàn, GS TS Hoàng Tuyết Minh, GS TS Trần Duy Quý, GS TS Nguyễn Hữu Nghĩa… đã miệt mài nghiên cứu, làm chủ được khoa học công nghệ và đã lai tạo, chọn lọc được nhiều dòng bố mẹ và cho ra sản xuất nhiều tổ lúa lai mới của Việt Nam tương đương và có tổ hợp vượt trội hơn cả Trung Quốc. Công trình đáng được giải thưởng Hồ Chí Minh vì đã đóng góp rất lớn cho ngành nông nghiệp. Vậy vì sao lại không được?

Khi bắt đầu triển khai Chương trình lúa lai, Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn cho rằng đây là một lĩnh vực khoa học công nghệ cao lúc ấy ngoài Trung Quốc chưa nước nào làm được, nên Bộ trưởng giao cho Vụ Khoa học công nghệ của Bộ do GS TS Nguyễn Ngọc Kính làm Vụ trưởng chủ trì. Vụ trưởng không nhận vì cho rằng đây là lĩnh vực chuyển giao công nghệ và đề nghị giao cho Cục Khuyến nông. Bộ trưởng rất không hài lòng, nhưng Vụ trưởng đã không nhận nên Bộ trưởng giao Cục Khuyến nông và trực tiếp giao cho Vụ phó Quách Ngọc Ân chủ trì. Từ đấy tất cả những hoạt động từ nghiên cứu đến chuyển giao kỹ thuật trong lĩnh vực lúa lai đều do Cục Khuyến nông điều phối, Vụ trưởng Vụ Khoa học đứng ngoài Chương trình lúa lai. Sau gần 10 năm phát triển mạnh mẽ đến năm 2005, Nhà nước xét để tặng thưởng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về Khoa học công nghệ. Bộ Nông nghiệp thấy rằng Công trình lúa lai xứng đáng được Giải thưởng Hồ Chí Minh nên đề xuất đăng ký và giao cho ông Quách Ngọc Ân phối hợp với ông Nguyễn Trí Hoàn xây dựng hồ sơ trình Nhà nước. Khi trình lên Hội đồng Khen thưởng Nhà nước thì Vụ Khoa học phản đối vì cho rằng đối với lúa lai khen thưởng về chuyển giao công nghệ sản xuất hạt giống và phát triển sản xuất đại trà thì rất xứng đáng nhưng về mặt nghiên cứu mới chỉ là bắt đầu, đã có kết quả gì đâu ngay thực hiện lai tạo còn phải nhờ bên kia họ chuyển cho. Vì thế Vụ Khoa học và Công nghệ không nhất trí đề nghị tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, nên Hội đồng Khen thưởng Nhà nước dừng lại .

Trước tình hình ấy ông Ân đã xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ và Bộ đã thuyết phục Vụ Khoa học và đề nghị lên Hội đồng khen thưởng Nhà nước đăng ký xin tặng Giải thưởng Nhà nước về Khoa học công nghệ và bổ sung tên Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ trong Danh sách tác giả. Tên cụm công trình cũng thay đổi đôi chút: Cụm từ nghiên cứu được thay bằng nghiên cứu ứng dụng nhằm tạo sự đồng thuận trong nội bộ. Vụ trưởng Vụ Khoa học đồng ý, công trình được thông qua. Thật đáng tiếc cho công lao các nhà khoa học, vì Giải thưởng Hồ Chí Minh mới xứng đáng với công lao và sự cống hiến to lớn của các nhà khoa học nông nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực này.

**III. XÂY DỰNG MÔ HÌNH MẠ NÉM, MẠ KHAY**

Khoảng năm 1997, Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn, có được thông tin bên Trung Quốc đang triển khai rộng phương thức mạ ném mà nơi làm mạnh nhất là tỉnh Phúc Kiến. Bộ trưởng giao Cục Khuyến nông và Khuyến lâm sang đó khảo sát và tìm hiểu cách làm của họ.

Cục trưởng Lê Hưng Quốc và Trưởng phòng Trồng trọt Lê Hồng Nhu được cử sang tỉnh Phúc Kiến để tìm hiểu thực tế.

Giáo sư Dương Tụ Bảo, là chuyên gia đang giúp Việt Nam về phát triển lúa lai trong Dự án của FAO, làm việc tại Viện Khoa học nông nghiệp tỉnh Phúc Kiến giúp việc liên hệ với Sở Nông nghiệp và Viện Khoa học nông nghiệp Phúc Kiến để đoàn sang khảo sát.

Gần một tuần khảo sát tại Phúc Kiến, đoàn đã làm việc với Sở Nông nghiệp, Viện Khoa học và đi thăm nhiều nơi triển khai thực hiện mạ ném.

Sau khi tham quan, khảo sát ở Trung Quốc về, Cục Khuyến nông và Khuyến lâm giao cho đồng chí Nguyễn Thanh Lâm (sau này là Phó Cục trưởng Cục Khuyến nông và Khuyến lâm) phụ trách việc tập huấn, xây dựng mô hình làm mạ khay, mạ ném vì có thể đây là một tiến bộ kỹ thuật trong việc làm mạ. Cục đã bỏ ra hàng chục triệu đồng để nhập khay nhựa của Trung Quốc gieo mạ khay phục vụ cho việc xây dựng mô hình và cung cấp cho khuyến nông các tỉnh làm giáo cụ tập huấn. Sau này một số công ty cơ khí đã nhập dây chuyền làm khay nhựa để cung cấp cho các tỉnh làm mạ ném.

Khay nhựa kích thước 60x35 cm, có 561 lỗ hình nón cụt, mỗi lỗ gieo 2-3 hạt giống sẽ cho một cụm mạ có bầu đất nên bộ rễ được bảo đảm an toàn. Khi mạ được 3,5-4 lá thì đưa ra ruộng. Cách làm là cầm lá mạ, một túm độ 3-4 bầu mạ rồi ném hoặc tung ra ruộng cho đều. Do cục đất ở bầu mạ, có trọng lực nên khi ném hoặc tung bầu mạ sẽ rơi thẳng xuống mặt ruộng và chìm nông dưới mặt bùn, khóm mạ không bao giờ bị chết rét và đẻ rất khỏe. Vấn đề cơ bản là ném hoặc tung làm sao cho đều, chỗ thưa quá cần tung dặm lại. Phương thức làm mạ ném có thể thay thế phương thức cấy hoặc gieo thẳng.

Nhờ có bộ rễ trong bầu đất nên lúa sẽ bén rễ nhanh, đẻ nhánh sớm, sau đó tiếp tục chăm sóc như lúa cấy nên dễ đạt năng suất cao.

Nói qua vài nét về làm mạ khay: Ruộng mầu hoặc đất chuyên mạ được làm sạch cỏ, san mặt đất cho phẳng để làm chỗ đặt khay. Mỗi luống đặt khay rộng 1,3 m, chiều dài luống tùy ý. Mặt luống xới tơi, nhỏ và bón mỗi mét vuông 30g Super Lân, 10g Urê, 10g Kali trộn đều bón trên mặt luống trước khi đặt khay. Khay nhựa xếp khít vào nhau và ấn xuống mặt luống độ sâu khoảng 1/3 hình nón cụt của bầu mạ. Đổ bùn ruộng (pH= 4-5) tràn đầy các lỗ của khay sau đó thì gieo hạt. Mô hình làm thì có kết quả, năng suất lúa cấy bằng mạ khay cao, tăng được 7-10% so với đối chứng. Nhưng biện pháp thâm canh lúa bằng mạ khay không mở rộng được cho dù được thuyết phục về ích lợi của việc làm mạ khay. Nông dân thì nghĩ đơn giản làm mạ khay có nhiều việc phải chuẩn bị, phải có tiền mua khay, phải có kỹ thuật ném mạ sao cho đều sau này đỡ công dồn dặm ruộng lúa cho đảm bảo mật độ…Mô hình mạ ném được triển khai rộng ở một số tỉnh. Một số nơi chuyển sau khi gieo khay không ném mà đem đi cấy lúa phát triển nhanh chống chết rét mạ. Từ mạ khay sau nảy cải tiến và làm mạ khay công nghiệp để cấy bằng máy cấy.

**IV. BỐ TRÍ LẠI CƠ CẤU MÙA VỤ HỢP LÝ Ở CÁC TỈNH DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

Đó là vào thời gian tháng 5/1993, Lãnh đạo Cục Khuyến nông và Khuyến lâm cùng anh em trong Cục có chuyến khảo sát dài ngày ở các tỉnh từ Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định để có những nhận định và đưa ra đề xuất trong chỉ đạo sản xuất lúa ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ. Công trình nghiên cứu và tổng kết về:”Nâng cao tính ổn định trên cơ sở tìm sự tăng trưởng các vụ lúa ở các tỉnh ven biển miền Trung” đã trở thành đề tài khoa học được đăng ký, báo cáo và lưu trữ ở Bộ Khoa học và Công nghệ. Vấn đề này có thể nói gọn lại như sau:

- Về thời tiết: Nam Trung bộ có nhiệt độ trung bình năm khoảng 25,4-27,7 0C, tích ôn 9.300-10.0000C. (Riêng vụ đông xuân 4.000o C). Tháng nóng nhất từ tháng 6 đến tháng 8 nhiệt độ bình quân tháng 28,5-29,50C, bình quân tối cao 40-410C.

- Về mưa: Do ảnh hưởng của dẫy Trường Sơn nên mùa mưa ở đây chỉ bắt đầu khi gió mùa Tây nam suy yếu và gió mùa Đông bắc hoạt động từ giữa tháng 8 kết thúc cuối tháng 11 đầu tháng 12. Từ tháng 1 đến tháng 7 lượng mưa dưới 100 mm, tháng 8: 100-150 mm, tháng 9: 200-300mm, tháng 10: 400-600mm, tháng 11 nhiều nơi trong vùng còn mưa tới 500mm.

- Thời tiết khắc nghiệt, thiên tai thường xẩy ra nên năng suất lúa các vụ thiếu ổn định. Năng suất lúa Đông Xuân những năm được mùa, năm trung bình và năm mất mùa thể hiện qua số liệu điều tra 5 năm như sau:

(Năng suất ta/ha qua các năm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Q.nam Đ.nẵng | Quàng Ngãi | Bình Định |
| Năm được mùa | 33,42 | 29,40 | 36,88 |
| Năm trung bình | 29,65 | 22,20 | 28,36 |
| Năm mất mùa | 17,49 | 16.32 | 21,00 |

Tỷ lệ năm được mùa- trung bình và mất mùa ở các tỉnh như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Năm được mùa (%) | Năm trung bình (%) | Năm mất mùa (%) |
| Q.nam Đ.nẵng | 35,3 | 35,3 | 29,4 |
| Q. Ngãi- B. Định | 29,5 | 47,0 | 23,5 |

Như vậy, vụ đông xuân bị mất mùa ở các tỉnh này chiếm tới 1/4 đến 1/3 số vụ sản xuất.

Vụ mùa ở đây theo từng tỉnh có vụ lúa hè thu muộn, lúa vụ 3, lúa vụ 10… Ảnh hưởng của mưa bão úng ngập như sau:

+ Úng tiểu mãn đối với lúa xuân và Hè thu sớm

+ Úng ngập đối với lúa Hè thu muộn, lúa vụ 3 nếu chưa thu xong trước 15/10.

+ Úng ngập với lúa vụ 3.

Diện tích úng ngập ở các tỉnh miền Trung như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm |  |  |  | Diện tich |
|  | Ngập úng  (ha) | Mất trắng  (ha) | Tồng cộng  (ha) | mầu bị ngập  (ha) |
| 1986 | 87.000 | 30.000 | 117.000 | 50.000 |
| 1987 | 41.207 | 58.584 | 96.191 | 54.524 |
| 1988 | 72.525 | 20.000 | 92.525 | 75.000 |
| 1989 | 111.610 | 55.000 | 161.610 | 87.000 |
| 1990 | 7.866 | 18.360 | 26.226 | 44.000 |
| Cộng5năm | 320.208 | 178.944 | 499.152 | 310.524 |
| Bq 1 năm | 64.041 | 35.788 | 99.830 | 62.104 |

Mỗi năm do bão lụt ở các tỉnh Duyên hải miền Trung mất khoảng 14-15 vạn tấn lương thực. Đặc biệt năm 1989 có 10 cơn bão và ATNĐ dồn dập đổ bộ vào khu vực này gây nên thiệt hại quá lớn.

Lúa Hè thu chính vụ cho năng suất cao sau vụ lúa Đông Xuân. Nhưng vụ Hè thu hay gặp khô hạn do ảnh hưởng gió nóng tây nam. Lượng mưa từ tháng 1 đến tháng 7 biến động trong phạm vi 30-80 mm. Năm hạn nặng lượng mưa chỉ bằng 1/3 lượng mưa TBNN. Năm 1993 diện tích bị hạn là 175.000 ha, trong dó diện tích bị hạn nặng là 85.000 ha (có 26.000 ha cháy khô bị mất trắng) ước thiệt hại sản lượng khoảng 150.000 tấn.

Như vậy cả 3 vụ lúa ở vùng này mỗi vụ đều có những khó khăn:

- Vụ lúa Đông Xuân gieo sớm gặp rét khi lúa trỗ

- Vụ lúa Hè thu thường gặp hạn vì những đợt nóng

- Lúa Vụ 3 (lúa thu đông), Vụ 10 hạn đầu vụ, úng ngập cuối vụ.

Biết vậy nhưng nông dân vẫn muốn dùng giống lúa ngắn ngày đẩy sớm vụ lúa Đông Xuân để làm 3 vụ lúa/năm. Mặt khác về tâm lý họ thấy nếu làm 2 vụ/năm có thời gian đất nghỉ dài quá giữa 2 vụ lúa trong khi lao động lại nhàn rỗi nên vẫn muốn làm 3 vụ lúa được thì ăn, thua thì chịu.

Từ thực tiễn đó, ngay từ những năm 1992-1993, Cục Khuyến nông đã đưa ra những khuyến nghị trong công tác chỉ đạo:

- Phải chuyển dịch cơ cấu mùa vụ hợp lý trên đất lúa ở vùng Duyên hải nam Trung bộ theo hướng:

+ Chỉ làm 3 vụ lúa/năm ở những nơi có điều kiện ăn chắc.

+ Chuyển chế độ canh tác 3 vụ lúa/năm ở những nơi bấp bênh thường bị ảnh hưởng của rét, hạn, úng lụt thì sang canh tác 2 vụ lúa/năm bằng giống trung hay dài ngày. Rất mừng cho đến nay Trung tâm Khuyến nông và các tỉnh vùng Duyên hải nam Trung bộ vẫn chỉ đạo sản xuất trong năm theo hướng đó.

Xây dựng mô hình canh tác mới, lấy đó làm nơi trình diễn và huấn luyện cho nông dân.

**V. ĐAN MẠCH TÀI TRỢ NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GIỐNG LÚA**

Năm 1994, Lãnh đạo Cục Khuyến nông phối hợp với ông Nguyễn Ích Chương, Vụ phó Vụ Hợp tác Quốc tế của Bộ Nông nghiệp &PTNT nhiều lần có cuộc tiếp xúc và làm việc với Tham tán Đại sứ quán Đan Mạch tại Hà Nội để trình bày, thuyết phục và đề xuất với Đại sứ xin tài trợ cho Việt Nam một dự án xây dựng hệ thống chế biến giống lúa.

Được sự đồng ý về nguyên tắc, hai đơn vị đã làm Tờ trình lên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Bộ đã chính thức có văn bản đề nghị với Đại sứ Đan Mạch báo cáo với Chính Phủ Đan Mạch xem xét yêu cầu của Việt Nam về vấn đề này. Sau khi xem xét Chính phủ Đan Mạch phê duyệt:

- Tài trợ không hoàn lại 2 nhà máy chế biến hạt giống cho Việt Nam, đặt cơ sở ban đầu cho nền công nghiệp giống. Một nhà máy trị giá 5,5 triệu USD và một nhà máy trị giá 3,5 triệu USD.

- Đầu tư thiết bị toàn bộ cho một phòng kiểm nghiệm hạt giống Quốc gia đặt tại Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống cây trồng của Bộ.

- Một số cán bộ kỹ thuật được gửi sang Đan Mạch để được huấn luyện, đào tạo.

Hai nhà máy được Bộ Nông nghiệp quyết định đặt tại Thái Bình và Quảng Bình.

Nói thêm một chút vì sao lại đặt 2 nhà máy tại Thái Bình và Quảng Bình: Sự thể việc này do Vụ Hợp tác Quốc tế, cụ thể là Vụ phó Nguyễn Ích Chương có nhiều công thuyết phục phía Đan Mạch đầu tư cho 2 nhà máy chế biến hạt giống. Nhưng đặt ở đâu phải có ý kiến của chuyên môn là Cục Khuyến nông trình lên để Bộ trưởng duyệt. Vụ phó Chương là một người nhanh nhẹn, thông minh, gặp lãnh đạo Cục Khuyến nông đưa ra ý kiến: “Các ông xem nên đặt một nhà máy ở Thái Bình, vừa là tỉnh có diện tích lúa lớn lại là tỉnh của Bộ trưởng thế nào cũng được duyệt. Còn một nhà máy nữa các ông cho đặt ở Quảng Bình, quê tôi để gọi là người con có chút nhớ đến quê hương và cũng là một tỉnh lúa nhưng có nhiều khó khăn.

Vì tình thân và nể ông Vụ phó, lãnh đạo Cục Khuyến nông đồng ý đề xuất này và được trình bày lên Bộ trưởng với nội dung: Thái Bình là tỉnh lúa đại diện cho vùng Đồng bằng sông Hồng, còn Quảng Bình đại diện cho vùng lúa Bắc Trung bộ (từ Nghệ An đổ vào đến Thừa Thiên Huế đổ ra). Tất nhiên là đã có ý kiến của chuyên môn xem ra có vẻ hợp lý, Bộ trưởng liền phê duyệt. Thế là 2 nhà máy thiết bị toàn bộ, hiện đại vào bậc nhất nước ta và trong khu vực được xây dựng ở Thái Bình và Quảng Bình.

Một đoàn cán bộ của 2 tỉnh Thái Bình và Quảng Bình cùng với Cục Khuyến nông, Vụ Hợp tác quốc tế sang làm việc và khảo sát ở Đan Mạch

Chỉ sau một năm xây dựng, hai nhà máy đã hoàn chỉnh và bắt đầu bước vào hoạt động. Ngoài số cán bộ được sang Đan Mạch học trực tiếp về vận hành nhà máy, Đan Mạch còn cử một số chuyên gia sang giúp vận hành nhà máy thời gian đầu.

Vấn đề hậu dự án, ai sẽ là chủ quản, chủ sở hữu nhà máy, vùng nguyên liệu chưa xây dựng lấy hạt giống đâu để chế biến. Giao cho Công ty giống cây trồng Trung ương, công ty không dám nhận vì giá trị nhà mày quá lớn. Nếu bàn giao cho Công ty khối tài sản này phải tính khấu hao vào mỗi kg giống khoảng 1.600 đ/kg để cộng vào giá thành, nhất là trong thời gian này chưa thoát khỏi thời kỳ bao cấp. Giao cho Công ty giống cây trồng Thái Bình quản lý họ cũng sợ phải đưa vào giá thành nên cũng từ chối không dám nhận. Chuyện về hai nhà máy chế biến giống không có đơn vị nào dám nhận chỉ vì sợ khấu hao tài sản cố định vào cơ cấu giá thành hạt giống kéo dài 2-3 tháng. Cuối cùng Bộ báo cáo với Chính phủ có sự đồng tình của Bộ Kế hoạch đầu tư, Bộ Tài chính chuyển giao cho 2 tỉnh coi là sự tài trợ không hoàn lại, Công ty giống 2 tỉnh được sử dụng nhưng không đưa khấu hao vào giá giống.

Sau này được biết nhà máy chế biến giống ở Thái Bình phát huy tác dụng rất tốt, hoạt động ổn định cho đến tận ngày nay và đóng góp rất lớn vào việc đảm bảo chất lượng hạt giống của Công ty CP giống cây trồng Thái Bình trên thị trường cả nước.

**VI. DỰ ÁN DANIDA VỀ GIỐNG CÂY TRỒNG**

Tiếp theo sự hỗ trợ nhà máy chế biến hạt giống, năm 1996 phía Đan Mạch cử đoàn chuyên gia do Tiến sỹ Jacob làm trưởng đoàn đã có nhiều lần sang Việt Nam để cùng với Cục Khuyến nông khảo sát, thảo luận, hội thảo để xây dựng nội dung cụ thể của Dự án: “Chương trình hỗ trợ ngành nông nghiệp” (dưới đây gọi tắt là Dự án DANIDA). Sau nhiều lần trao đổi, thảo luận và bổ sung cuối cùng Dự án hoàn chỉnh và năm 1998, hai Chính phủ Việt Nam và Đan Mạch đã chính thức ký Hiệp định không hoàn lại hỗ trợ Việt Nam.

”Chương trình hỗ trợ ngành nông nghiệp” có tổng kinh phí là 60 triệu USĐ, bao gồm 2 Hợp phần là: Hợp phần Giống cây trồng 30 triệu USD và Hợp phần Chăn nuôi gia súc 30 triệu USD.

Hợp phần Giống cây trồng gồm 8 tiểu Hợp phần:

1. Hỗ trọ xây dựng Khung pháp lý về giống cây trồng –

2. Xây dựng Hội đồng giống cây trồng Quốc gia.

3. Xây dựng hệ thống khảo kiểm nghiệm giống

4. Đầu tư xây dựng Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống cây trồng đầy đủ về máy móc, trình độ cán bộ để làm tốt công tác khảo kiểm nghiệm giống.

5. Hỗ trợ các cơ quan nghiên cứu để đủ năng lực chọn tạo giống

6. Hỗ trợ Viện Bảo vệ thực vật trong nghiên cứu các biện pháp bảo vệ cây trồng.

7. Đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến giống và chế tạo máy móc chế biến giống.

8. Sản xuất giống nông hộ.

Trong 8 tiểu hợp phần thì Tiểu hợp phần 7: Đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến giống có kinh phí lớn nhất 15 triệu USD, Tiểu hợp phần 5: Hỗ trợ nghiên cứu 2,5 triệu USD và Tiểu hợp phần 8: Sản xuất giống ở nông hộ 2 triệu USD.

Để triển khai Chương trình, Bộ Nông nghiệp thành lập Ban Điều phối Chương trình do Thứ trưởng Bùi Bá Bổng làm Trưởng ban. Ở Cục Khuyến nông thành lập một Ban Quản lý Hợp phần, cử ông Đỗ Hữu Thiện, Phó Cục trưởng làm Trưởng ban và ông Lê Hồng Nhu, Trưởng phòng Trồng trọt làm phó ban. Sau khi ông Thiện về hưu, Cục cử ông Phan Huy Thông, Cục phó thay ông Thiện quản lý Hợp phần. Phía Đan Mạch dưới sự quản lý trực tiếp của Sứ quán và có 3 chuyên gia tư vấn thay mặt cho phía Đan Mạch thay nhau ở Việt Nam cùng với Ban quản lý của Cục trực tiếp quản lý toàn bộ hoạt động của Hợp phẩn. Mỗi tiểu hợp phần có thuê một chuyên gia tư vấn Việt Nam giúp Ban quản lý Hợp phần triển khai các công việc của từng tiểu Hợp phần.

Sau 8 năm hoạt động (2000-2007), Hợp phần đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần thúc đẩy toàn bộ hoạt động của ngành giống cây trồng phát triển lên một bước mới.

Tóm tắt một số hoạt động chính của các Tiểu hợp phần như sau:

1. Tiểu hợp phần 1 và 2: Hỗ trợ xây dựng Khung pháp lý và Xây dựng Hội đồng giống cây trồng Quốc gia.

- Đã tổ chức nhiểu đoàn cán bộ của Bộ và các cơ quan liên quan tham quan các nước trong khu vực và quốc tế để tham khảo phương thức quản lý giống cây trồng của họ và những tiến bộ trong ngành giống cây trồng họ đang áp dụng.

- Thành lập Hội đồng giống cây trồng Quốc gia gồm các cán bộ có liên quan đến giống cây trồng do Thứ trưởng Bùi Bá Bổng làm Chủ tịch Hội đồng để tư vấn cho ngành về mọi hoạt động trong lĩnh vực giống.

- Hợp phần đã hỗ trợ Cục và Bộ soạn thảo nhiều văn bản quy phạm pháp luật về giống cây trồng trong đó có hai văn bản quan trọng trình Chính phủ Quốc hội ban hành là: Nghị định 13/NĐ-2001 về Bảo hộ giống cây trồng mới và Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004. Đây là hai văn bản quan trọng đặt nền móng cho việc quản lý giống cây trồng và thúc đẩy ngành giống phát triển.

2. Tiểu hợp phần 3 và 4: Xây dựng hệ thống khảo kiểm nghiệm giống và Đầu tư xây dựng Trung tâm Khảo kiểm nghiệp giống cây trồng.

- Đã đầu tư đầy đủ trang thiết bị hiện đại cho Phòng kiểm nghiệm củaTrung tâm khảo kiểm giống.

- Đã cử nhiều đoàn cán bộ của Trung tâm và cán bộ của các tỉnh đi học về khảo kiểm nghiệm của Đan mạch và một số nước châu Âu khác.

- Đầu tư cho các trại khảo nghiệm đủ thiết bị và đào tạo cán bộ đủ trình độ thực hiện khảo nghiệm.

3. Tiểu hợp phần 5: Hỗ trợ các cơ quan nghiên cứu.

Vụ Khoa học Công nghệ quản lý Tiểu hợp phần này đã thực hiện:

- Trang bị thêm nhiều thiết bị hiện đại cho các Viện nghiên cứu.

- Đưa hơn 60 cán bộ của các cơ quan nghiên cứu đi đào tạo trình độ Thạc sỹ ở nước ngoài.

- Đầu tư kinh phí cho 50 công trình nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực giống.

- Mở nhiều lớp đào tạo ở trong nước cho các cán bộ nghiên cứu của các viện, các doanh nghiệp và trung tâm giống.

- Hỗ trợ cho Viện nghiên cứu máy nông nghiệp của Bộ và Xưởng cơ khí của Trường Đại học nông nghiệp trong việc chế tạo các máy móc về sản xuất và chế biến giống.

4. Tiểu Hợp phần 8: Sản xuất giống ở nông hộ. Mục đích của Tiểu hợp phần này là đào tạo cho nông dân biết sản xuất và chế biến giống đạt tiêu chuẩn chất lượng để cung ứng cho sản xuất. Tiểu hợp phần được triển khai ở 6 tỉnh bao gồm: Nam Định, Thanh Hóa, Bịnh Định, Phú Yên, Đồng Tháp và Sóc Trăng. Mỗi tỉnh có một Ban quản lý đo Phó Giám đốc Sở phụ trách và các cán bộ hỗ trợ. Kinh phí chi cho Ban quản lý và các lớp đào tạo trong 7 năm đều do DANIDA tài trợ.

- Mỗi tỉnh xây dựng hoàn chỉnh một giáo trình kỹ thuật sản xuất giống lúa từ khâu xây dựng kế hoạch, các khâu kỹ thuật sản xuất giống, thu hoạch chế biến bảo quản và sử dụng hạt giống.

- Các giáo viên được đào tạo tập trung trong một vụ sản xuất tại một trại giống của tỉnh. Thực hành toàn bộ quy trình sản xuất giống trên đồng ruộng theo tài liệu mà mỗi tỉnh đã soạn.

- Các giáo viên sau khi được đào tạo bài bản về các huyện và xã tổ chức các khóa huấn luyện sản xuất giống cho nông dân trong một vụ sản xuất.

Sau 7 năm, tiểu hợp phần này đã đào tạo hàng vạn nông dân về kỹ thuật sản xuất giống, góp phần cải thiện chất lượng giống lúa cung ứng cho sản xuất.

5. Tiểu hợp phần 7: Đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến giống.

Đây là tiểu hợp phần lớn nhất trong Chương trình hỗ trợ ngành nông nghiệp với kinh phí đầu tư tới 15 triệu USD. Theo Dự án, Đan Mạch sẽ đầu tư cho không các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà máy chế biến giống hoặc mua sắm các máy móc chế biến giống. Nhưng khi triển khai chương trình các doanh nghiệp sản xuất giống bắt đầu chuyển sang cổ phần hóa nghĩa là không còn là doanh nghiệp của Nhà nước. Bộ Kế hoach và Đầu tư cho rằng, không thể cho không các doanh nghiệp đã cổ phần hóa hoặc cá nhân sản xuất giống vì tiền viện trợ vẫn là ngân sách nhà nước. Sau nhiều lần thảo luận giữa các bộ, đi đến thống nhất là chuyển từ cho không sang cho vay với lãi suất ưu đãi thấp nhất và 7 năm ân hạn không phải trả lãi và chuyển toàn bộ số tiền này cho Quỹ phát triển (nay là Ngân hàng BIDV) quản lý và thực hiện cho vay. Chuyển sang cho vay, các doanh nghiệp giống rất nghèo và rất ngại đầu tư vì đầu tư lớn sau lấy gì mà trả nợ hơn nữa đầu tư để chất lượng giống dù có tốt hơn nhưng giá bán giống không thể tăng được. Phương thức chuyển sang cho vay coi như thất bại. Kết thúc Chương trình chỉ có Công ty CP giống cây trồng Trung ương vay một triệu đô còn 14 triệu đô trả lại Đan Mạch. Thật đáng tiếc nếu Bộ Kế hoạch đầu tư không máy móc, đầu tư cho không các doanh nghiệp chắc ngành giống của Việt Nam đã có cơ hội trang bị được hệ thống chế biến giống hiện đại khi họ cho không tiền mà mình không tiêu được.

Dù sao, Chương trình hỗ trợ ngành nông nghiệp của Đan Mạch cũng tạo cơ sở cho ngành giống cây trồng và ngành chăn nuôi của Việt Nam phát triển lên một bước mới xứng tầm với các nước trong khu vực.

**VII. MẠNH DẠN ĐỔI MỚI CÁCH ĐƯA GIỐNG MỚI VÀO SẢN XUẤT ĐẠI TRÀ**

Để một giống mới được đưa vào sản xuất đại trà phải theo quy trình rất nghiêm ngặt.

- Đơn vị nghiên cứu chọn tạo được một giống mới phải đưa vào thí nghiệm so sánh giống 3 vụ. Kết quả báo cáo Hội đồng khoa học cơ sở (Đơn vị chọn tạo ra giống). Nếu được thông qua sẽ có công văn đề nghị kèm theo 5 kg thóc giống gửi Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống cây trồng của Bộ Nông nghiệp và PTNT để xin tham gia khảo nghiệm quốc gia.

- Trung tâm Khảo nghiệm sẽ tiến hành khảo nghiệm so sánh vụ đầu. Kết quả báo cáo Hội đồng giống Quốc gia để được chính thức công nhận là giống khảo nghiệm. Vì có nhiều đơn vị gửi nhiều giống xin khảo nghiệm nên phải có công đoạn này, giống chưa qua vòng loại để được vào vòng trong.

Được khảo nghiệm quốc gia 2-3 vụ, nếu giống tốt vượt trội so với giống đối chứng ở cả vụ Xuân và vụ Mùa (2 vụ), hoặc vụ Xuân-vụ Hè thu- vụ Mùa (3 vụ) sẽ báo cáo Hội đồng giống quốc gia để được “công nhận là giống khu vực hóa), sau này gọi là công nhận tạm thời.

- Giống được công nhận khu vực hóa sẽ tiến hành gieo cấy trên diện tích rộng ở một số nơi đại diện cho các vùng sinh thái khoảng 2-3 vụ. Nếu giống có những ưu điểm vượt trội, có tính thích ứng rộng sẽ được báo cáo để Hội đồng giống quốc gia “công nhận chính thức là giống quốc gia”.

Theo một quy trình nghiêm ngặt và trật tự này một giống tốt, giống mới nghiên cứu chọn tạo thành công đi từ cơ sở đến sản xuất đại trà phải mất 5-6 năm.

Nông dân thì họ thực tế hơn, khi thăm các viện trường, đơn vị nghiên cứu chọn tạo giống tốt, giống mới ưng ý là họ tìm cách liên hệ xin hoặc mua một ít giống về gieo cấy ruộng nhà mình. Kết quả hữu xạ tự nhiên hương, bà con lối xóm đến thăm, thấy lúa tốt xin mua ít giống về gieo cấy theo cách ấy giống mới lan ra rất nhanh và cũng theo cách ấy giống mới dễ phủ định giống cũ nên họ bỏ cũng rất nhanh. Từ đó có một thực trạng là nhiều giống chưa được Hội đồng giống quốc gia công nhận thì nông dân đã mở rộng diện tích gieo cấy được 5-6 năm rồi. Trong khi giống được công nhận chính thức thì ngoài sản xuất đại trà nông dân đã bỏ để gieo cấy giống khác.

Nắm bắt được thực tế đó Cục Khuyến nông mạnh dạn đưa vào sản xuất một số giống có cơ sở khoa học chắc chắn là một giống tốt nhưng thay đồi cách đi vòng bằng đi tắt ra thẳng ruộng sản xuất đại trà, xin được giới thiệu 4 giống sau đây:

**1. Giống lúa chống rày CR203:**

Tên gốc giống này là IR8423 đã được ngành Bảo vệ thực vật nhập nội từ năm 1979, khảo nghiệm công phu, kết luận là giống có tính kháng rày cao nên được đặt tên mới là CR203 (Chống Rầy).

Nhưng đưa CR203 vào sản xuất để thay giống nhiễm rầy nặng lại chậm, nhất là việc thay cho giống NN8 là giống lúa Xuân chính vụ, giống thâm canh có năng suất cao và giá trị sản lượng lớn.

Cách làm của Khuyến nông là chọn hợp tác xã thâm canh điển hình và bao nhiêu năm không đánh bật được giống NN8 dù có bị chết mạ, chết lúa những năm rét, dù có bị cháy rầy nâu trên diện tích rộng. Đó là hợp tác xã Phùng Thượng huyện Phúc Thọ tỉnh Hà Tây (cũ) nay thuộc Thành phố Hà Nội. Lãnh đạo Cục Khuyến nông họp với Ban quản trị hợp tác xã do ông Lộc làm Chủ nhiệm với một thỏa thuận:

+ Cục Khuyến nông sẽ giúp chỉ đạo triển khai mô hình đưa CR203 vào sản xuất để thay giống lúa NN8. Nếu thất bại năng suất CR203 kém hơn NN8 thì Cục sẽ bù phần kém để nông dân vẫn có thu nhập như NN8. Nếu thành công, Cục Khuyến nông không xin hợp tác xã dù chỉ là một cân thóc. Trong quá trình chỉ đạo hợp tác xã không phải bồi dưỡng cho đơn vị hoặc cá nhân thực hiện chỉ đạo (Ông Lê Hữu Khang lúc đó là một kỹ sư trẻ được Cục phân công mỗi tuần giành 2 ngày đến hợp tác xã cùng với các ông đội trưởng đội sản xuất kiểm tra, đôn đốc và bám sát từng hộ để triển khai công việc.

Phía hợp tác xã phải đảm bảo 2 yêu cầu:

+ Khoanh một khu ruộng 40-50 ha liền bở, ngay sát đường cái quan (khu ruộng này ngay bên cạnh đường Hà Nội đi Sơn Tây), thực tế hợp tác xã chỉ chọn được khu ruộng có diện tích 39,2 ha.

+ Nhất thiết phải làm đúng ý kiến chỉ đạo của đại diện Cục Khuyến nông là ông Lê Hữu Khang.

Kết quả thật mỹ mãn, năng suất bình quân trên diện tích 39,2 ha đạt 5,85 tấn/ha, cao hơn giống NN8 719kg/ha, tăng 12,3% so với giống NN8. Sau đó, Cục Khuyến nông cùng với địa phương tổ chức Hội nghị tham quan đầu bờ và vụ sau CR203 mở ra toàn huyện Phúc Thọ và nhiều huyện khác của tỉnh Hà Tây và một số tỉnh khác.

**2. Giống lúa DT10:**

Người ta gọi giống DT10 là giống Phan Phải (1938-13/3/1983). Ông bảo vệ thành công bằng tiến sỹ ở nước ngoài. Từ năm 1984-1989 ông là Giám đốc Trung tâm di truyền nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.

Năm 1988, ông Phan Phải mời Cục Khuyến nông xuống thăm ruộng lúa cấy giống DT10 ở ngoại thành Hà Nội, Cục mời ông Trương Đích, Giám đốc Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống cây trồng cùng đi. Ruộng lúa DT10 rất đẹp, bông lúa to, trĩu hạt. Đánh giá bằng kinh nghiệm đồng ruộng có thể đạt năng suất từ 6,5-7 tấn/ha. Trao đổi với ông Trương Đích thấy đây là một giống lúa tốt, có năng suất cao và triển vọng dễ được nông dân chấp nhận. Vì vậy, cần tiến hành điều tra đồng ruộng, có đo đếm một số thông số kỹ thuật về chuyên môn làm cơ sở để báo cáo cho đoàn tham quan đầu bờ, từ đó tranh thủ mở rộng ngay diện tích gieo cấy DT10 trong vụ tới. Thống nhất như vậy, ngay hôm sau ông Trương Đích cử chị Giang và một cán bộ nữa đến ruộng DT10 triển khai điều tra đồng ruộng theo chỉ dẫn của ông Trương Đích.

Để chắc ăn, Cục mời Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn đi thăm ruộng lúa DT10 và nhắn tin cho ông Phan Phải có mặt tại ruộng để đón Bộ trưởng. Xem chừng Bộ trưởng có vẻ lý thú khi nâng bông lúa nhẩm tính và quan sát bao quát đồng ruộng rồi đồng ý với cách triển khai mở rộng nhanh chóng diện tích cấy lúa DT10 theo cách làm của Cục và ông dặn thêm: “Đây là một giống tốt, các cậu đã tin thì làm tới số đi”.

Đấy, giống lúa DT10 đi vào sản xuất như thế, chỉ tiếc ông Phan Phải ra đi quá sớm chỉ sau khoảng một năm khi chúng tôi thăm ruộng lúa và bàn cách mở rộng DT10 với ông (1989). Cũng vào khoảng 10 năm sau, giống DT10 hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó trên đồng ruộng như chủ của nó Tiến sỹ Phan Phải.

**3. Giống lúa Khang dân:**

***a. Trước hết khẳng định giống lúa Khang dân và giống Khang mằn là một.*** Khang dân được dịch theo chữ viết phổ thông Trung Quốc còn Khang mằn là dịch theo tiếng Quan hỏa của địa phương Quảng Tây.

***b. Khang dân 18 là giống đã được chọn lọc, bồi dục từ giống gốc Khang dân.*** Khang dân 28 là giống đột biến từ giống gốc Khang dân. Sự thực Khang dân 18 là một giống có cải tiến, Khang dân 28 là một giống đột biến thực liệu là Khang dân do Viên Di truyền nông nghiệp tạo ra.

***c. Thời gian nhập giống lúa Khang dân vào Quảng Ninh:***

Ông Bùi Minh Tâm, Giám đốc Công ty thức ăn gia súc Quảng Ninh nhập một kg giống Khang dân về chuyển cho ông Nguyễn Ngọc Tiến, Giám đốc Xí nghiệp giống Đông Triều để nghiên cứu và chọn lọc. Ông Tiến đã chọn lọc nhiều vụ và được một giống thuần chủng hơn và đặt tên là Khang dân 18. Tên Khang dân 18 do ông Dương Kế Chư, Giám đốc Sở Nông nghiệp lúc bấy giờ gợi ý với ngụ ý rằng nó đẹp như cô gái 18. Sau nhiều vụ nhân, ông Tiến đã nhân được 3 ha với lượng giống là 19,6 tấn.

***d. Nhập một lượng lớn (1.500 kg) từ vụ xuân 1996:***

Ông Hoàng Minh Thính, nguyên Trưởng phòng nông lâm ngư nghiệp huyện Hải Ninh (nay là Thành phố Móng Cái) tỉnh Quảng Ninh cùng với Phiên dịch Nguyễn Văn Lý sang thăm Trạm Nghiên cứu khoa học nông nghiệp khu Phòng Thành, thị xã Đông Hưng tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Ở đây được ông Phũ Hồng Tiến dẫn đi xem khu khảo nghiệm thấy có giống lúa đã trĩu hạt mà lá vẫn xanh, đẻ khỏe 20-25 dảnh/khóm, bông dài 25cm, nhiều hạt 300-350 hạt/bông định nhổ một khóm đem về nhưng bị họ ngăn lại. Chuyện này xẩy ra vào vụ Xuân năm 1995, đến vụ mùa năm 1995 ông Hoàng Minh Thính lại sang Trạm Nghiên cứu nông nghiệp Phòng Thành bí mật mời ông Phũ Hồng Tiến mang giống này sang Móng Cái làm kinh tế. Ông Phũ có hứa thu hoạch vụ mùa xong được bao nhiêu sẽ đem sang Việt Nam. Cuối năm 1995, ông Dương Kế Chư, Giám đốc Sở Nông nghiệp Quảng Ninh và bà Nguyễn Thị Chung, Phó Giám đốc Sở, ông Đặng Văn Quý sang Phòng Thành để bàn cụ thể việc hai bên phối hợp làm kinh tế giống lúa này.

Vụ Xuân 1996, ông Phũ chuyển cho ông Thính, Trưởng phòng nông nghiệp Hải Ninh mua 1.500 kg giống Khang dân để gieo cấy ngay trong vụ Xuân tại Hải Ninh, dưới hình thức hợp tác làm kinh tế. Thời gian này phía Trung Quốc quản lý rất chặt các giống lúa xuất sang Việt Nam nhất là lúa thường (trước đây thường gọi là lúa thuần, gọi như thế dễ nhầm lẫn với giống được làm thuần chủng) vì giống tốt lúa thuần có thể gieo cấy được nhiều vụ kể cả có thể dùng để chọn lọc có hạt siêu nguyên chủng sản xuất ra giống siêu nguyên chủng và giống xác nhận. Giống lúa lai F1 không cần quản lý chặt bán cho Việt Nam được càng nhiều càng tốt vì giống lúa lai chỉ sử dụng được thế hệ F1 không thể dùng làm giống cho đời sau.

Trở lại câu chuyện Khang dân vụ xuân 1996 ở Hải Ninh rất tốt, khi lúa đã bắt đầu xuôi quả, bà Nguyễn Thị Chung, Phó Sở cùng ông Đặng Văn Qúy, Giám đốc Trung tâm khuyến nông tỉnh lên Hà Nội mời Phó Cục trưởng về Móng Cái xem ruộng cấy giống Khang dân cấy ở hợp tác xã Hải Yến 1, cùng đi có ông Lê Hồng Nhu, Trưởng phòng Trồng trọt Cục Khuyến nông, được anh em cho biết đây là một giống tốt có thể đưa vào sản xuất đại trà nên đã bàn với bà Chung và ông Qúy tìm nguồn kinh phí ở địa phương hợp đồng với nông dân mua ngay một lượng lớn giống này để mở rộng ra sản xuất.

***e. Giống lúa Khang dân mở rộng ở miền Bắc như thế nào và từ đâu***

Việc nhập và sản xuất giống lúa Khang dân có sự chỉ đạo sát sao của ông Dương Kế Chư, Giám đốc sở và bà Nguyễn Thị Chung, Phó Giám đốc và các đơn vị như Phòng Nông nghiệp Hải Ninh, Trạm Khuyến nông Hải Ninh, Trung tâm Khuyến nông tỉnh luôn luôn bám sát cơ sở để chỉ đạo 81 hộ dân ở Hợp tác xã Hải Yến 1, huyện Hải Ninh cấy được 20 ha Khang dân và ký hợp đồng sẽ thu mua 40 tấn giống. Việc sản xuất như thế là tạm ổn, còn chuyện bao tiêu sản phẩm, ông Thính, Trưởng phòng Nông nghiệp có công rất lớn trong việc xin huyện cho vay vốn để sản xuất nhân giống lúa Khang dân cung ứng cho mở rộng ra đại trà ở các tỉnh nhưng ông Trần Khắc Kỳ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện không đồng ý. Năn nỉ, thuyết phục rồi ông Chủ tịch cũng duyệt cho vay 30 triệu để trang trải tiền giống, tiền phân. Giải ngân tiền vay đợt 1, ông Thính cùng với Chủ nhiệm Hợp tác xã Hải Yến đem mẫu lúa để Chủ tịch xem và đề nghị cho vay tiếp đợt 2 để tránh mất cơ hội khi thắng lợi sắp đến. Ông Kỳ, Chủ tịch lại một lần nữa ký duyệt cho vay tiếp 30 triệu đồng. Tưởng thế là ổn nhưng đến ngày lúa sắp thu hoạch các nơi không thấy động tĩnh gì về việc tiêu thụ giống Khang dân. Bà Chung, Phó Giám đốc sở vội vàng từ Quảng Ninh lên Hà Nội gặp Cục phó Cục Khuyến nông Quách Ngọc Ân vào chiều muộn. Đến cơ quan, bà Chung vào đề ngay: “Theo chỉ đạo của lãnh đạo Cục, Trung tâm Khuyến nông Quảng Ninh cùng Phòng Nông nghiệp Hải Ninh được huyện cho vay tiền để ký với dân sản xuất giống Khang dân, bây giờ không có nơi để tiêu thụ”. Lãnh dạo Cục đáp lại:”Cám ơn sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Sở đối với Trung tâm Khuyến nông tỉnh và Phòng Nông nghiệp Hải Ninh triển khai rất kịp thời để có một lượng lớn hạt giống Khang dân cung ứng cho các tỉnh ngay trong vụ mùa này. Cục sẽ mời Công ty giống các tỉnh đồng bằng sông Hồng và trung du trong tuần tới đến Móng Cái hội thảo, tham quan đầu bờ, đăng ký và ký hợp đồng mua giống Khang dân với Hải Ninh. Đề nghị Sở bàn với huyện đồng ý đăng cai và lo hậu cần cho Hội nghị này. Cục và Sở đồng chủ trì Hội nghị.

Đúng kế hoạch, đại biểu tham quan rồi nghe ông Thính, Trưởng phòng Nông nghiệp báo cáo về giống Khang dân, Cục sẽ điều hành việc đăng ký, phân phối và cách triển khai. Sau đó các tỉnh tham gia thảo luận sôi nổi và nhất trí sẽ mua một lượng lớn hạt giống gieo cấy ngay trong vụ mùa để vụ xuân tới có đủ giống bung ra trên diện tích rộng. Như chút được gánh nặng, bà Chung ra vể, chắc rằng phải tối khuya mới tới Quảng Ninh.

Cục Khuyến nông mời công ty giống các tỉnh đồng bằng sông Hồng, trung du đến Ủy ban Nhân dân huyện Hải Ninh tham quan và bàn cách triển khai mở rộng gieo cấy giống Khang dân do Cục phó Cục Khuyến nông chủ trì. Ông Thính báo cáo: Giống Khang dân trong vụ xuân thời gian sinh trưởng 120-130 ngày, hạt thon nhỏ, vỏ trấu vàng đẹp, gạo trắng, cơm ngon, trọng lượng 1000 hạt khoảng 20 gam, chưa thấy trên đồng ruộng giống Khang dân bị đạo ôn hay khô vằn, chống đổ cũng tốt. Cây lúa cao 100-110 cm, ở ruộng tốt số hạt /bông khoảng 200-250 hạt/bông. Năng suất từng nhóm hộ chia ra: Thấp 285kg/sào (4,99 tấn/ha), trung bình 210 kg/sào (5,65 tấn/ha), cao 230 kg/sào (6,48 tấn/ha), cá biệt có hộ đạt 260 kg/sào (7,02 tấn/ha).

Công ty giống các tỉnh đăng ký mua từ 2-3 tấn, có công ty đăng ký 4 tấn giống. Riêng công ty giống Hà Tây xin mua 200 kg. Lãnh đạo Cục nói với cô Quyên, cô Nhường Công ty giống Hà Tây: “Mua một ít để thử Cục không ghi nhận đăng ký đâu, vừa làm vừa run thiếu tin tưởng thì tốt nhất là không nên làm”. Để chống chế, cô Nhường thanh minh “Cục triệu tập muộn quá, chỗ chúng em gieo mạ mùa xong rồi làm sao dân họ chịu gieo thêm mạ Khang dân. Cục trả lời ngay: “Nếu dám làm hãy bù kinh phí để dân phá bỏ diện tích mạ đã gieo và gieo ngay mạ Khang dân. Tỉnh cần làm ngay vụ mùa này để vụ xuân sang năm có đủ giống bung ra diện rộng, các cô về báo cáo với lãnh đạo Sở ý kiến của Cục như thế”.

Kết quả sau Hội nghị, huyện Hải Ninh đã bán được 35 tấn giống, còn 2,5 tấn tiêu thụ trong tỉnh ngay trong vụ mùa 1996.

Giống lúa Khang dân chủ yếu gieo cấy trong trà lúa xuân muộn, mùa sớm, có nơi còn sử dụng trong vụ hè thu hoặc trà mùa chính vụ, phổ thích nghi cũng rộng từ địa bàn miền núi, trung du đến đồng bằng, ven biển và về chân đất: Ruộng cao, ruộng vàn, ruộng thấp nhưng thích hợp nhất là chân ruộng vàn và vàn thấp, tính chống chịu sâu bệnh cũng khá, chất lượng gạo tương đối tốt, vì vậy, Khang dân mở rộng vào sản xuất đại trà rất nhanh, chiếm khoảng 60-65% diện tích gieo cấy các vụ lúa.

Khi thấy thực tế sản xuất đại trà là sự kiểm nghiệm chắc chắn nhất đối với Khang dân, Lãnh đạo Cục đặt vấn đề với ông Dương Kế Chư, Giám đốc Sở Nông nghiệp Quảng Ninh chỉ đạo Xí nghiệp giống Đông Triều do ông Nguyễn Ngọc Tiến, Giám đốc trực tiếp lập báo cáo khoa học về giống Khang dân để trình với Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận đặc cách với giống Khang dân không qua bước khảo nghiệm quốc gia.

Tại Hội nghị giống Quốc gia họp ở Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt nam tại Văn Điển (Hà Nội) phía Quảng Ninh có ông Chư, Giám đốc Sở, ông Tiến, Giám đốc xí nghiệp giống cây trồng và một số anh em cán bộ kỹ thuật, Ông Tiến là người báo cáo về giống Khang dân. Phó Cục trưởng Khuyến nông là ngưởi phản biện. Các ủy viên Hội đồng thảo luận, biểu quyết, sau đó ông Nguyễn Ngọc Kính, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ của Bộ là Chủ tịch Hội đồng kết luận công nhận giống Khang dân là giống Quốc gia với số phiếu trên 80% đánh giá suất xắc. Đồng thời ông Kính cũng nói thêm: “Ở đây chúng ta cũng cần rút kinh nghiệm có những đồng chí là Ủy viên Hội đồng mà đưa giống vào đại trà bỏ qua các nguyên tắc và quy trình về quản lý giống”. Hội nghị giải lao để còn tiếp tục họp xét các giống khác. Tranh thủ lúc này trao đổi với ông Kính: “Sao anh không nói toạc ra là lãnh đạo Cục Khuyến nông mà gọi là Ủy viên Hội đồng. Nhưng anh xem cả Miền Bắc có nơi nào Khang dân thất bại đâu? Nếu có Cục xin chịu trách nhiệm về chính trị, đền về kinh tế”

Ngày 13/5/1999, Bộ đã có quyết định số 1659 QĐ-BNN công nhận chính thức lúa Khang dân là giống Quốc gia.

Câu chuyện về giống Khang dân đi vào sản xuất đại trà là như vậy với góc nhìn khách quan tóm tắt sự việc này như sau:

**- Một là:** Khang dân là giống nhập nội, Việt Nam không có ai là tác giả giống này. Tác giả giống này là ông Trịnh Hằng Thụ, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp Quảng Tây, Trung Quốc. Trong một lần Phó Giám đốc Trịnh Hằng Thụ sang công tác tại Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tặng ông Huy hiệu Vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp của Việt Nam vì giống lúa Khang Dân đã giúp nông nghiệp Việt Nam trong một thởi gian dài là giống lúa chủ lực trong các vụ sản xuất ở Miền Bắc và Miền Trung.

**- Hai là:** Người móc nối để có được giống Khang dân về với Quảng Ninh là ông Bùi Minh Tâm, có được một kg chuyển cho ông Nguyễn Ngọc Tiến, Giám đốc Xí nghiệp giống Đông Triều chọn lọc và nhân giống và đặt tên giống đã chọn lọc ra là giống Khang dân 18 theo gợi ý của ông Dương Kế Chư, Giám đốc Sở Nông nghiệp Quảng Ninh. Người thứ 2 là ông Hoàng Minh Thính, Trưởng phòng Nông nghiệp huyện Hải Ninh có được 1.500 kg giống đưa vào nhân đại trà vụ xuân 1996.

**- Ba là:** Quá trình triển khai đều có sự bàn tính và chỉ đạo sát sao của Sở Nông nghiệp Quảng Ninh, trực tiếp là Giám đốc Dương Kế Chư và Phó Giám đốc Nguyễn Thị Chung. Các đơn vị thực hiện là Xí nghiệp giống cây trồng Đông Triều, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ninh, Trạm Khuyến nông huyện Hải Hà, Phòng Nông nghiệp huyện Hải Ninh và bà con xã viên hợp tác xã Hải Yến 1, xã Hải Yến, huyện Hải Ninh.

**- Bốn là:** Cục Khuyến nông đã ủng hộ mạnh mẽ với Quảng Ninh từ lúc mới nhập về cho đến lúc được công nhận chính thức là giống quốc gia. Cục đã đánh giá đúng đắn về triển vọng giống Khang dân, có biện pháp sáng tạo, quyết liệt để cùng với Quảng Ninh và Công ty giống các tỉnh đưa Khang dân vào đại trà bằng con đường và thời gian ngắn nhất.

**- Năm là:** Ông Nguyễn Ngọc Tiến, Giám đốc Xí nghiệp giống cây trồng Đông Triều có công rất lớn chọn lọc, bồi dục để có giống tốt hơn giống thương phẩm nhập nội ban đầu và được đặt tên là Khang dân 18. Khẳng định Khang dân 28 không phải là Khang dân 18 mà là giống mới được tạo ra bằng phương pháp đột biến của Viện Di truyền nông nghiệp trên cơ sở thực liệu là giống Khang dân.

**4. Giống lúa Việt Đài 20 (VĐ20)**

Tháng 6 năm 1996, ông Lê Hồng Nhu, Trưởng phòng Trồng trọt, Cục Khuyến nông được cử đi dự lớp bồi dưỡng về khuyến nông tại Đài Loan. Một trong các hoạt động của lớp học là đến thăm Viện Nghiên cứu nông nghiệp Đài Trung. Tại đây các học viên quốc tế được thăm khu ruộng tập đoàn giống lúa và ruộng so sánh một số giống tốt có triển vọng của Viện. Với con mắt chuyên môn của một kỹ thuật lâu năm, ông Nhu phát hiện ra 2 giống lúa có triển vọng mà ông rất thích. Ông Nhu thạo tiếng Trung Quốc và không hiểu ông đã trao đổi thế nào mà tranh thủ được tình cảm của bà Trần, tác giả của 2 giống này và Bà Trần đã đồng ý tặng ông Nhu mỗi giống khoảng 50 gam. Đó là giống Đài Trung 10 và Đài Nông 20. Khi về nước ông Nhu đã báo cáo với lãnh đạo Cục và Bộ vể tình hình 2 giống lúa này. Được Bộ chỉ đạo và Cục Khuyến nông có ngay biện pháp nhân giống trong vụ Mùa năm 1996 để có lượng giống nhân tiếp vụ Đông Xuân 1997. Cục Khuyến nông vốn có quan hệ với Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn về công tác khí tượng phục vụ sản xuất nông nghiệp nên khi đặt vấn đề với Tiến sỹ Viết, Phó Giám đốc Trung tâm cần sự giúp đỡ của Trung tâm để nhân ngay lượng giống ít ỏi này tại khu vườn quan trắc vật hậu nông nghiệp và khí tượng của Trung tâm đặt tại ngoại ô Hà Nội. Ông Viết đồng ý và giao cho kỹ sư Nguyễn Văn Giai trực tiếp cùng với Cục gieo cấy, theo dõi, điều tra đồng ruộng một số chỉ tiêu kỹ thuật của 2 giống Đài Trung 10 và Đài Nông 20.

Sắp đến ngày thu hoạch, Cục mời Bộ trưởng Tạn đến thăm ruộng. Nâng bông lúa quan sát và có vẻ thích thú cách thu thập giống bằng con đường không chính thức của ông Nhu, Bộ trưởng nói: “Các cậu cho nhân ngay 2 giống này trong vụ xuân tới (1997). Giống lấy được về là tốt nhưng phải nhớ ơn người tạo ra nó. Thôi không gọi là Đài Trung và Đài nông nữa vì để tế nhị về ngoại giao hãy đặt là “Việt Đài” (Việt Nam-Đài Loan). Thế là 2 giống này có tên là Việt Đài 10 và Việt Đài 20, được gọi tắt là VĐ10 và VĐ 20). Số giống đó được nhân dần lên mấy vụ và được mở rộng trồng thử ở một số tỉnh miền Bắc. Vào khoảng năm 1999, Bộ trưởng Tạn xem 2 giống trồng ở một số tỉnh và chỉ đạo Cục đưa vào trồng thử ở các tỉnh phía Nam.

Lãnh đạo Cục Khuyến nông vào tỉnh Tiền Giang, gặp và làm việc với ông Nguyễn Văn Khang, lúc đó là Giám đốc Sở Nông nghiệp (Sau này ông Khang lên làm Phó Chủ tịch tỉnh) về ý định muốn giao một số lượng giống Việt Đài 10 (VĐ10) và Việt Đài 20 (VĐ20) kèm theo Kinh phí 200 triệu đồng Bộ cấp và đề nghị Sở quan tâm chỉ đạo và giao cho Công ty giống cây trồng của tỉnh kịp thời triển khai nhân giống ngay. Cục Khuyến nông sẽ không thu hồi vốn hoặc giống, chỉ cần Công ty làm cho tốt và báo cáo kết quả nhân 2 giống lúa này cho Cục. Được sự nhất trí của tỉnh, Cục đã mua và chuyển một lượng giống và tiền vào Công ty giống cây trồng Tiền Giang để Công ty nhân ngay vào vụ Đông Xuân năm đó. Khi sắp được thu hoạch, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đến tham quan, thấy lúa khá tốt, đặc biệt giống VĐ 20 lại thơm nên nhiều tỉnh sau đó đã mua giống về triển khai gieo cấy và dần mở rộng trong sản xuất đại trà. Đến 20 năm sau, năm 2020, giống lúa VĐ20 vẫn được một số tỉnh trồng trên diện tích lớn và giống lúa này được xác định là một trong những giống lúa thơm để xuất khẩu và được thị trường trong nước cũng như nước ngoài ưa chuộng.

Nguồn gốc 2 giống VĐ10, VĐ20 và cách triển khai đưa vào sản xuất là như thế. Có lẽ vì chất lượng gạo cao, cơm thơm, dẻo mềm nên 2 giống này đã có tên mới là Đặc sản 10 và Đặc sản 20 (ĐS10, ĐS20) .

Giống VĐ 10 chỉ rộ lên một thời gian ở một số tỉnh cả ở miền Bắc và miền Nam rồi dần dần không được mở rộng trong sản xuất đại trà, có lẽ giống này có thời gian sinh trưởng dài hơn các giống lúa ngắn ngày nên khó bố trí vào vụ Xuân muộn mùa sớm ở miền Bắc và các vụ lúa ở miền Nam hầu hết dùng lúa ngắn ngày.

Giống Việt Đài 20 được xếp vào nhóm lúa thơm cùng với Jasmine 85, Đài thơm 8, KĐM (Khao dawk Mali) trong vụ Đông Xuân và vụ Hè thu. Theo tài liệu của Văn phòng Cục Trồng trọt ở Phía Nam: Diện tích gieo sạ giống lúa Việt Đài 20 năm 2005 ở 9 tỉnh là 80.000 ha. Việt Đài 20 được công nhận là giống tiến bộ kỹ thuật tại Quyết định số 2182 QĐ-BNN ngày 29/7/2004.

Giáo sư Nguyễn Văn Luật và cộng sự Viện nghiên cứu lúa đồng bằng sông Cửu Long đã tuyển chọn theo phương pháp chọn đầu dòng và so sánh các dòng có triển vọng từ Việt Đài 20 (VĐ 20) được đặt tên OMĐS 20 (Ô môn đặc sản), thời gian sinh trưởng 100-115 ngày, có thể trồng được nhiều vụ trong năm, số hạt chăc/bông cao, tỷ lệ lép khoảng 15-20%, tỷ lệ bạc bụng không, hàm lượng Aminose 18,4%, chất lượng gạo cao, có mùi thơm. Năng suất 4-5 tấn/ha, thâm canh có thể đạt 6-6,5 tấn/ha.

Cần phải khẳng đỉnh rằng trong khoa học từ nghiên cứu đến phát triển bao giờ cũng phải qua công đoạn nghiên cứu /phát triển được biểu thị tiến trình sau đây: R - RD - D.

Trong công tác chọn tạo giống cây trồng cũng vậy, thành công trong nghiên cứu nhất thiết phải trải qua bước khảo nghiệm, khảo nghiệm cơ sở (Ở đơn vị nghiên cứu) và khảo nghiệm quốc gia. Hội đồng giống Quốc gia trên cơ sở hồ sơ của khảo nghiệm giống quốc gia sẽ công nhận giống theo mức độ: Công nhận giống khảo nghiệm, công nhận giống tạm thời (trước đây gọi là công nhận giống khu vực hóa) và công nhận chính thức (giống quốc gia).

Việc có một số giống cây trồng nhất là giống lúa để có trong sản xuất với diện tích rộng được nông dân đang sử dụng và đã gieo cấy qua nhiều vụ hoặc một số giống thu thập không bằng con đường chính thức cần được nhân nhanh ra diện rộng thì chỉ còn 2 bước trong tiến trình phát triển là R/D và D (Không có R nữa) như thế giống vào sản xuất rất nhanh nếu tốt sẽ được công nhận đặc cách không qua khâu khảo nghiệm quốc gia. Khi còn là Cục Khuyến nông có chức năng quản lý nhà nước thì có một số trường hợp đã thực hiện cách đưa thẳng một số giống vào sản xuất đại trà trên cơ sở khoa học mạnh dạn, chắc chắn.

Điều ít người biết giống lúa thơm ST của kỹ sư Hồ Quang Cua lại mang gen của giống Việt Đài 20 (VĐ 20) do ông Hồ Quang Cua phát hiện một cây lúa “lạ”, gốc tím, hạt thon dài rất đẹp là cá thể đột biến tự nhiên (hay biến dị tự nhiên) trong ruộng lúa VĐ 20. Ông Hồ Quang Cua và cộng sự đã nhân và phân lập được 1.050 dòng đột biến đầu tiên. Chọn lọc những dòng triển vọng và vượt trội để lai phức hợp với các giống lúa khác thu thập được từ trong nước (ĐBSCL, ĐBSH) từ IRRI, Đài Loan, Bangladesh. Sau 12 năm cần mẫn chọn tạo để rồi có được giống lúa ST25, cho gạo ngon nhất thế giới.(Would Best Rice) do The Rice Trader công nhận trong khuôn khổ Hội nghị họp ở Phillippines năm 2019.

**VIII. CHỌN TẠO GIỐNG THÍCH ỨNG VÀ BIỆN PHÁP NÉ TRÁNH THIÊN TAI**

Nước ta vốn là một nước nông nghiệp. Trải qua 45 năm từ ngày thống nhất đất nước và qua hơn 30 năm đổi mới và phát triển kinh tế từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, cả nước đang phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp. Mặc dù vây, nông nghiệp vẫn giữ vị trí rất quan trọng bởi vì “nông suy bách nghệ bại”. Nông nghiệp hiện nay đóng góp 20% GDP và chiếm 52,6% lực lượng lao động cả nước.

Làm nông nghiệp ở nước ta “sáng chắn bão giông, chiều ngăn nắng lửa” thì cực chẳng đã. Cho nên mới phải né tránh hoặc sống chung với thiên tai. Những năm gần đây người ta nói đến biến đổi khí hậu toàn cầu và nước ta là một trong 5 nước trên thế giới chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng mạnh nhất. Cứ nghe dự báo mà thấy khiếp: Nếu nước biển dâng 1mét thì 40% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long và 10% diện tích Đồng bằng sông Hồng bị ngập, 10% diện tích đô thị bị ảnh hưởng. Sẽ có 10,8 triệu dân ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng chịu ảnh hưởng, 28,67% diện tích đất bị ngập mặn.

Người ta cũng đưa ta kịch bản: Cuối thế kỷ 21 nhiệt độ tăng 3,4oC, nước biển dâng 1m thì sẽ có 40% diện tích ở đồng bằng sông Cửu Long ngập vĩnh viễn, 10% dân số ở đây chịu ảnh hưởng vì mất đất. Ở đồng bằng sông Hồng có 240.000 ha bị ảnh hưởng. Năng suất lúa bị giảm 8-15% vào năm 2030 và 50% vào năm 2050. Một số tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề như Hải Phòng, mất 17,4 % diện tích (Nguồn: Đỗ Nam Thắng trích từ nghiên cứu của Dagupta et al 2007)

Những tác động cụ thể diễn ra ở nước ta là úng ngập, hạn hán, mặn và cháy rừng.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, mùa khô 2016 nhiều nơi hạn gay gắt. Lượng mưa thiếu hụt 30-40% mặn đến sớm hơn một tháng và vào sâu 80-100 km. Miền trung lũ muộn và dồn dập. Miền Bắc trong mùa đông xen kẽ những ngày rét nặng lại có những ngày oi nóng. Hiện tượng Elnino hoặc Lanina cứ tái lập theo chu kỳ khoảng 2-3 năm. Mỗi năm có khoảng 12-13 cơn bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta.

Năm 2007 có 16 cơn bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào nước ta, nhiều đến bất thường, thiệt hại do thiên tai gây ra là 38,7 nghìn tỷ đồng (khoảng hơn 2,7 tỷ USD).

Những dự báo và câu chuyện trên đây diễn ra sau năm 2005 tức là sau thời kỳ 1996-2005 đang được đề cập nhưng nó có liên quan ngay trong thời kỳ 1996-2005 đã nhấn mạnh phải sống chung và né tránh thiên tai vì chưa thể và sẽ không thể chống được thiên tai, có chăng chỉ là khắc phục thiên tai. Về điểm này trong chuyện Kiều, cụ Nguyễn Du lạc quan và tin rằng: “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều”.

Để thích ứng và né tránh thiên tai về mặt nông học hướng nghiên cứu, áp dụng là chọn tạo những giống có khă năng chịu mặn, chịu úng, chịu hạn đến một ngưỡng nào đó về giới hạn sức chịu đựng của cây trồng. Bố trí cơ cấu giống, mùa vụ hợp lý để né tránh thiên tai: Mưa ngập, nắng hạn, giá rét…

**1. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất trên nền đất lúa:**

Điều này hết sức cần thiết đối với nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa và xuất khẩu. Sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất đó còn phải dựa trên tính thích ứng hoặc né tránh thiên tai.

**- Ở Đồng bằng sông Hồng** vùng sản xuất lúa khó khăn thì việc canh tác bền vững trên đất lúa được thực hiện theo chế độ canh tác:

+ 2 vụ lúa + 1 vụ màu

+ 1 vụ lúa + 2 vụ màu

+ 1 vụ lúa + 1 vụ nuôi trồng thủy sản (tôm, cá)

**- Ở vùng Tây sông Hậu:** Nông dân làm 2 vụ lúa Đông Xuân - Hè thu, nơi chắc ăn người ta làm 3 vụ lúa/năm, thêm vụ mùa sau vụ Hè thu. Đối với ruộng 1 vụ mùa có kết hợp nuôi cá trong ruộng.

**- Ở Tứ giác Long Xuyên:** Ngoài ruộng 2 vụ lúa/năm hay 3 vụ lúa/năm, trên chân ruộng 2 vụ có thể bố trí vụ lúa mùa + 1 vụ tôm, cá hoặc 1 vụ Hè thu + 1 vụ tôm cá. Đối với chân đất trồng mới tràm thì kết hợp trồng tràm với nuôi cá.

**- Ở vùng Đồng Tháp Mười:** Nếu trồng 3 vụ lúa/năm bấp bênh thì chuyển nuôi tôm, cá thu hoạch trước khi lũ về. Ruộng 3 vụ /năm nên làm Lúa Đông xuân + 1 vụ màu xuân hè + 1 vụ lúa Hè thu thì chắc ăn hơn. Nơi thuận lợi thì làm Lúa Đông xuân + Lúa Hè thu + Lúa Thu đông. Những ruộng ngoài bờ bao nên làm 2 vụ lúa Đông xuân và Hè thu cộng thêm 1 vụ lúa chét (lúa trau) vẫn đảm bảo thu hoạch xong trước khi lũ chụp.

**- Ở vùng ven biển:** Nơi có điều kiện giữ nước tốt thì có thể làm 2 vụ lúa/năm: Lúa Hè thu - Lúa mùa cao sản. Đối với ruộng 1 vụ lúa thì Lúa mùa nên dùng giống đặc sản truyền thống hoặc giống cải tiến trung ngày có năng suất cao (Sau giải phóng nông dân thường dùng NN4B, NN5B. Hiện nay có ST5, ST10 ruộng canh tác 2 vụ lúa /năm với công thức 1 vụ lúa + 1 vụ màu trên đất giồng cát (rau, dưa hấu, lạc) hoặc 1 vụ lúa mùa + 1 vụ tôm.

Việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, xây dựng chế độ canh tác hợp lý không chỉ là để né tránh thiên tai, tranh thủ khai thác lợi thế đất đai, nguồn nước mà còn do nhu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa để sản xuất những nông sản thị trường cần.

**2. Chọn tạo những giống có khă năng chống chịu hạn**

Trong cả nước ở mỗi vùng miền đều có những giống truyền thống có tính chống chịu úng, hạn, mặn, phèn rất tốt. Tuy nhiên các giống truyền thống đều có nhược điểm dài ngày và năng suất thấp. Ngày nay những giống truyền thống là nguồn gen rất quý được duy trì, bảo tồn để làm thực liệu lai tạo giống mới hoặc để chọn lọc tạo ra những giống cải tiến trên nền tảng của những giống truyền thống. Trong việc nghiên cứu chọn tạo ra những giống mới các nhà khoa học thường xác định mục đích giống tạo ra phải đáp ứng được vấn đề gì?. Từ đó người ta thiết kế mô hình lý tưởng của một giống sẽ được tạo ra. Suốt thời gian nghiên cứa chọn tạo giống, nhà khoa học bỏ bao công sức đi theo định hướng đã đặt ra để tới đích. Một trong các tiêu chí chọn tạo giống mới bao giờ cũng có chỉ tiêu về tính chịu đựng đối với sâu bệnh và ngoại cảnh (nắng hạn, mưa bão, úng ngập, phèn, mặn…) bây giờ ta dùng thuật ngữ: Thích ứng với biến đổi khí hậu, nước dâng.

Dưới đây giới thiệu một số giống đã được đưa vào sản xuất hoặc nghiên cứu chọn tạo trong thời kỳ 1996-2005, nếu thành công phải sau 2005 mới được công nhận thính thức.

**- Giống chịu hạn:**

Cuối những năm 80 đầu những năm 90, Viện sỹ, Giáo sư Vũ Tuyên Hoàng, Viện trưởng Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm giới thiệu với Vụ Trồng trọt và đề nghị chỉ đạo đưa vào sản xuất một số giống CH (chịu hạn) từ CH1, CH2, CH3, CH4, CH5, CH6 và CH133. Trong một chuyến cùng đi công tác với Giáo sư Hoàng, tại phòng nghỉ Nhà khách Tỉnh ủy Hà Bắc, anh em hỏi Giáo sư: “Anh đưa cho chúng tôi 7 đứa con từ CH1 đến CH133 anh có phân biệt được đặc tính và sự khác nhau của mỗi “đứa” không ?. Tính xuề xòa dễ gần, ông ậm ừ trả lời: “ … Trong những giống đó, giống nào các bạn thấy ưng ý thì dùng, nhiều giống là để cho bạn lựa chọn”. Thế là tự nhiên Vụ Trồng trọt theo dõi, nhận xét, thăm dò sự đánh giá của nông dân về các giống CH như khảo nghiệm vậy.

Sau này, qua trình diễn trên diện tích rộng của nông dân Vụ Trồng trọt xác định được 2 giống CH3 và CH133 khá hơn cả. Trên ruộng hạn khô nhưng chưa nứt nẻ chân chim kéo dài khoảng 15-20 ngày ở thời kỳ sinh trưởng dinh dưỡng lúa vẫn đạt năng suất 3,5-4 tấn/ha và 2 giống này đã được lựa chọn là giống chịu hạn khá, được đưa vào quy trình sản xuất trong vụ Đông xuân.

**- Giống lúa cạn LC93-1 và LC93-4**

Những giống này được Viện Bảo vệ thực vật chọn lọc từ 1994-1996 trong tập đoàn lúa cạn nhập của IRRI. Kết quả chọn ra được một số giống LC93-1, CL93-2, CL93-3, CL93-4. Thời gian sinh trưởng trong vụ Đông xuân ở Miền Bắc là 105-125 ngày, ở miền Nam 100-105 ngày, ngắn hơn giống địa phương khoảng 40 ngày. Giống này thấp cây chịu thâm canh, chịu hạn có thể trồng trên đất dốc dưới 200, chất lượng gạo tốt, hạt trong ít bạc bụng, dẻo, thơm. Khảo sát các giống này ở Tu Tra, Đơn Dương Lâm Đồng vụ Hè thu năm 2004 đạt trên 6 tấn/ha, cũng trong vụ Hè thu này, nông trường Cao su 30/4 tại Lạc Dương đã trồng xen với cao su được 100 ha, năng suất trên 3,5 tấn/ha.

**- Giống lúa cạn 99-3**

Giống lúa này do tác giả Đỗ Khắc Thịnh và cộng sự Viện Khoa học nông nghiệp miền Nam tạo ra. Giống này có đặc tính rất quý là chịu phèn và chịu hạn rất tốt. Giống này có thời gian sinh trưởng vụ Đông xuân 90-98 ngày, vụ Hè thu 100-105 ngày, gạo dài 7-7,4mm, bạc bụng trung bình, cơm mềm, dẻo. Năng suất vụ Đông xuân 5-8 tấn /ha, vụ Hè thu 4-6 tấn/ha.

**3. Chọn giống lúa chịu úng**

Ngoại trừ tập đoàn giống lúa nổi truyền thống ở Nam bộ chịu ngập nước và vươn cao thích ứng với vùng đất ngập lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long không đề cập ở đây nhưng tập đoàn giống lúa nổi truyền thống đang được các cơ quan khoa học duy trì bảo tồn quỹ gen để khai thác làm thực liệu chọn tạo các giống lúa chịu úng ngập.

Khách quan nhận thấy việc nghiên cứu chọn tạo giống lúa chịu úng ngập chưa nhiều. Nhưng nhìn về cuối thế kỷ 21 và những năm sau đó chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu và nước biển dâng thì mới thấy cần được quan tâm hơn đến chọn tạo các giống lúa chịu úng ngập. Bởi vì nếu nước biển dâng 1m thì 40% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long và 10% diện tích Đồng bằng sông Hồng sẽ bị ngập.

Khi là Viện trưởng Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Giáo sư Vũ Tuyên Hoàng (2/12/1938- 28/2/2008) đã cùng cộng sự lai tạo các giống lúa chịu úng như U9, U14, U17 và các giống chịu hạn “CH).

**- Giống lúa chịu úng U17**

U17 là con lai của tổ hợp IR5x [(IR8x813) X (IR1529-640-3-2)] là một giống cảm ôn, thời gian sinh trưởng vụ Đông xuân 175-180 ngày, vụ Mùa 150-155 ngày, cây cao 115-130 cm, cứng cây, chịu thâm canh, bông to, số hạt/bông 125-140 hạt /bông, trọng lương 1.000 hạt là 25-26 gam, kháng bạc lá, chịu úng. Từ giai đoạn mạ đến lúc lúa đứng cái có thể chịu ngập lút ngọn từ 5-7 ngày. Năng suất trung bình 45-50 tạ/ha, thâm canh đạt 60-70 tạ/ha.

Ngoài giống U17, Giáo sư Hoàng còn một vài giống lúa chịu úng ngập khác như U9, U14, U20, U21 và cũng đã đưa U17 vào Đồng bằng sông Cửu Long để thử khả năng thích ứng, cũng như một Seri giống chịu hạn CH, Seri giống chịu úng ngập U áp dụng vào sản xuất đại trà rất chậm, có nơi gieo cấy thử nhưng rồi vụ sau lại không sử dụng giống này nữa. Đúng là một giống dù tốt để trụ lại với nông dân không phải là đơn giản.

Ngoài các giống chịu hạn, chịu úng của Giáo sư Vũ Tuyên Hoàng trong thời gian ông làm Viện trưởng, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm còn có một Seri các giống “P” có hàm lượng Protein cao P6, P6 đột biến, P9, P13, P16, P290. Các giống này hàm lượng Protein 9,5-10% cao hơn giống đối chứng khoảng 0,5-1%. Để có những giống có hàm lượng Protein cao hơn giống đối chứng, ông và các cộng sự phải lai tạo, nghiên cứu qua 9-10 vụ mới chọn được những giống như thế, một trong các giống này là P6.

Giống lúa P6 chọn lọc từ tổ hợp IR2581/Xuân số 2, thời gian sinh trưởng vụ Xuân 160-175 ngày, vụ Mùa 115-120 ngày. Ở các tỉnh Bắc Trung bộ thời gian sinh trưởng của giống này được rút ngắn hơn, vụ mùa còn 130-135 ngày, bông dài 20-22 cm, hạt chắc/bông110-120 hạt/bông, tỷ lệ lép10-12%, trọng lượng 1000 hạt 24-25 gam, hạt gạo dài, trong, tỷ lệ bạc bụng 1-4%, hàm lượng Protein 10,5%, Amilose 21% , cơm dẻo, ngon, đậm. Năng suất vụ Xuân 60-65 tạ/ha, vụ Mùa 55-60 tạ/ha. Giống được công nhận chính thức tại Quyết định số 5218 QĐ- BNN ngày 16/8/2000.

Có mẩu chuyện vui về giống lúa P6 xin kể lại như sau:“Anh em tháp tùng Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn đến Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm để xem giống lúa có hàm lượng Protein cao theo lời mời của Giáo sư Hoàng. Sau khi thăm đồng, thăm phòng thí nghiệm và nghe Giáo sư Hoàng giới thiệu về giống P6, Bộ trưởng có ý kiến và buổi làm việc kết thúc. Buổi trưa Giáo sư Hoàng mời cơm Bộ trưởng và anh em cùng đi. Mâm cơm thịnh soạn có đủ giò chả, thịt gà, thịt lợn và cơm gạo P6 với mục đích giới thiệu gạo có hàm lượng Protein cao. Khi ăn xong, Giáo sư hỏi anh em cùng đi với Bộ trưởng: “Sao bạn ăn ít thế” ? Không đợi trả lời ông nói tiếp luôn: ”Đấy các bạn thấy chưa, tác dụng của Protein P6 khiến cho người ta chóng no, như thế sẽ tiết kiệm gạo. Nếu nấu bằng gạo khác bạn phải ăn ba bát mới no”. Giáo sư Hoàng thích thú còn Bộ trưởng tủm tỉm cười tế nhị, anh em tháp tùng Bộ trưởng liền đáp lại: “báo cáo anh no vì Protein của thịt gà, thịt lợn, giò chả nhiều quá không phải là Protein P6 đâu ạ, giá mà anh chỉ cho ăn P6 với ít nước chấm thỉ đánh giá P6 chính xác hơn thưa anh Hoàng, gạo lúa lai nhiều giống có hàm lượng Protein đạt 11%”. Giáo sư Hoàng phản ứng ngay: ” tại bạn làm lúa lai nên bạn ca ngợi lúa lai cũng đúng thôi”.

Về phòng khách uống nước sau bữa ăn anh em trao đổi với Giáo sư cái khó khi đưa P6 ra thị trường người mua gạo đâu có nghĩ gạo này Protein cao, gạo kia Protein thấp vả lại làm thế nào để người mua biết được rằng ăn cơm P6 sẽ tiết kiệm gạo vì có Protein cao. Còn nhiều vấn đề thực tế đặt ra mà P6 phải tháo gỡ, có như vậy P6 mới ra đại trà nhanh chóng và rộng khắp.

**- Giống lúa IR 29723**

Giống này chịu được mức nước sâu chỉ cấy trong vụ mùa, gieo mạ tháng 7-8, cấy trong tháng 8-9, năng suất trung bình 4-5 tấn/ha, thâm canh có thể đạt 6-7 tấn/ha.

**- Giống lúa MTL 384** (L264-1-4-5-4-2)

Giống này cũng là một giống có khả năng chịu úng tốt, chọn tạo từ năm 1999, đã qua khảo nghiệm quốc gia 3 vụ 2002-2005.

**- Giống lúa SHPT3**

Giống này là một giống mới được chọn tạo của tác giả Lê Hùng Lĩnh, Lê Huy Hàm và các cộng sự. Giống được công nhận chính thức tại Quyết định số 2645QĐ/BNN-KHCN ngày 5/7/2019. Tuy không được chọn tạo trong giai đoạn 1996-2005 nhưng do giống SHPT3 có khả năng chịu ngập sâu trong 10-15 ngày ở giai đoạn mạ đến giai đoạn lúa đẻ nhánh nên xin giới thiệu trong nhóm giống chịu úng ngập ở thời kỳ 1996-2005 để biết có những giống mới chịu ngập sâu sau thời kỳ này.

Giống SHPT3 là một giống thuần cấy 2 vụ/năm, được lại tạo từ tổ hợp Khang dân18/PSBRC68 mang gen chịu ngập Sub1 nhập nội từ IRRI, thời gian sinh trưởng ở phía Bắc vụ Xuân 132-135 ngày, vụ Mùa 105-110 ngày, cứng cây, chống đổ, chịu chua, chịu ngập, năng suất 70-75 tạ/ha (vụ Xuân), chất lượng gạo khá, phù hợp với chế biến thực phẩm. Giống được Công ty giống cây trồng Hải Dương tiếp thu công nghệ và mua bản quyền.

**4. Những giống lúa chịu mặn, chịu phèn, chịu phèn mặn**

Đồng bằng sông Cửu Long có vị trí rất quan trọng (có thể nói là quyết định nữa) đối với nền nông nghiệp của cả nước. Trong 10 năm (2001-2010) năng suất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long tăng từ 4,3 tấn/ha lên 6,3 tấn/ha. Sản lượng lúa tăng từ 16 triệu tấn lên 21,6 triệu tấn. Bình quân lương thực đầu người gấp 2,3 lần so với bình quân chung của cả nước. Xuất khẩu gạo hàng năm trên 6 triệu tấn/năm. Kim ngạch xuất khẩu gạo hàng năm trên 3 tỷ USD bằng 90% kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước. Năm 2010 diện tích cây ăn quả khoảng 400.000 ha bằng 40% diện tích cây ăn quả cả nước, sản lượng các loại quả khoảng 3,5 triệu tấn bằng 70% sản lượng quả cả nước. Diện tích nuôi trồng thủy sản bằng 70% diện tích nuôi trồng thủy sản cả nước và sản lượng bằng 40% sản lượng thủy sản cả nước.

Nhưng Đồng bằng sông Cửu Long cũng rất nhạy cảm với hậu quả của biến đổi khí hậu, nước biền dâng. Vì thế để đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững cho vùng này, trong việc nghiên cứu, chọn tạo giống lúa phải có những bộ giống thích ứng với đa dạng đất đai ở vùng này, nhất là đối với đất phèn, đất mặn, đất phèn mặn.

Tại Đồng bằng sông Cửu Long đất mặn có 744.547 ha chiếm 19,1% so với diện tích cả vùng, xếp thứ 3 sau đất phèn 1.600.263 ha chiếm 41,1% và đất phù sa 1.184.857 ha chiếm 30,4% (Số liệu theo bản đồ 1/25.000 năm 1991). Theo số liệu báo cáo đề tài:” Nghiên cứu sử dụng đất hợp lý ở Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu” đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt thì: Diện tích tự nhiên 4 triệu ha, trong đó diện tích đất phèn 1,68 triệu ha bằng 44% tổng diện tích. Đất phù sa 1,16 triệu ha bằng 30% tập trung chủ yếu ở hai bờ tả hữu sông Tiền và sông Hậu. Đất mặn ven biển 0,7 triệu ha bằng 18 % (báo cáo năm 2019). Như vậy sau 18 năm biến động về cơ cấu các loại đất chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long vẫn cho thấy cần có những giống lúa chịu được phèn mặn để khai thác tốt nhất các loại đất này.

Ở Miền Bắc, diện tích đất mặn 0,3-0,5 % ít hơn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, chủ yếu tập trung ở một số tỉnh ven biển như Hải Phòng, 20.000ha, Thái Bình 18.000 ha, Nam Định 10.000 ha, Thanh Hóa 22.000 ha.

**a- Các giống lúa có khả năng chịu mặn**

Các giống truyền thống chịu mặn rất khá từ 3%o -5%o, thậm chí có thể chịu đến 6%o  nhưng yếu cây, năng suất thấp nhưng có giá trị rất lớn là nguồn gen quý phục vụ cho công tác lai tạo giống như các giống Cườm, Nhông, Tẻ tép, Tẻ đỏ, Chiêm bầu, Cút hương…Năng suất khoảng 18-20 tạ/ha. Giống M6, Bầu tép chịu mặn tới 4%o.

+ Các giống Mộc tuyền, X23, X19, VD7, VD20, chịu thâm canh năng suất khá hơn, khoảng 30-35 tạ/ha nhưng yếu cây, chịu mặn ở mức độ nhất định 2%o  đến 3%o.

+ Trung tâm thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao đã sử dụng 15 giống lúa thường, lúa lai trồng trong dung dịch Yoshida và trồng trong khay đất có môi trường mặn nhân tạo, sau có một số giống sống sót như Hương ưu 98, DT68, H2, DTchịu mặn, kháng đạo ôn, giống DT68 cơm ngon, năng suất bình quân đạt 60-65 tạ/ha.

+ Trung tâm Nghiên cứu và tư vấn quản lý tài nguyên thuộc Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Thừa Thiên Huế phối hợp với huyện Hương Trà phục tráng giống Chiêm, thời gian sinh trưởng 150-160 ngày, cây cao nhưng chống đổ khá, chịu ngập úng, chịu mặn, cơm ngon, năng suất 34-35 tạ/ha, giống Chiêm trắng đạt 34-48 tạ/ha.

**+ Giống lúa OM13292** chịu mặn tương đối khá. Được công nhận chính thức năm 2005, đã được đưa vào sản xuất đại trà ở Kiên Giang, An Giang, Tiền Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp.

**+ Giống lúa OM6976** có năng suất, chất lượng gạo tốt, chịu mặn khá, được trao giải Bông Lúa vàng lần thứ nhất của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Các giống lúa chịu mặn BN2, OM6904, OM5954, OM3495, OM6976, OM5629: Những giống này được cơ sở sản xuất giống Chín Táo (Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh áp dụng quy trình Much-Mor-Rice (3 tăng), gieo mạ trong nhà màn (mùng) cấy một dảnh (cấy tép). Những giống chịu mặn trên đây năng suất đạt 65 tạ/ha, chịu mặn khá, chất lượng gạo tốt, hạt dài, ít bạc bụng, gạo trong, cơm mềm, dẻo.

**b. Các giống lúa chịu phèn mặn**

Để khai thác, sử dụng đất phèn mặn hiệu quả cao và bền vững phải áp dụng tổng hợp 4 biện pháp cơ bản sau đây:

Chủ động tưới để thau chua rửa mặn

Ém phèn và sống chung với phèn

Sử dụng giống có khả năng chịu phèn mặn

Tăng cường phân lân, cải tạo đất.

Trong các biện pháp trên xin nêu một số biện pháp về giống:

**- Giống truyền thống Một bụi đỏ, Lúa Sỏi**

Đây là những giống chịu phèn mặn rất giỏi. Ở Ninh Thạch Lợi, Ninh Thạch Lợi A, Lộc Ninh, huyện Hồng Dân tỉnh Bạc Liêu có xứ đồng “chó ngáp” trên diện tích 15.000 ha sử dụng giống Một bụi đỏ tuyển chọn đã đạt 4-5 tấn/ha, có nơi đạt 6 tấn/ha. Giống lúa Sỏi ở Vĩnh Lộc A đạt 4 tấn/ha.

Theo Vũ Công Thành, giống Một bụi đỏ chịu mặn 8-10%o trung bình chịu 5-6%0 vẫn đạt năng suất 5,5 tấn/ha. Giống lúa Sỏi chịu mặn đất tới 10%o , chịu mặn nước tới 9,2%o .

**- Giống lúa CXT30**

Giống này chịu phèn mặn, tác giả là Tạ Minh Sơn, thời gian sinh trưởng trong vụ Hè thu ở miền Nam là 80-85 ngày, năng suất 62-65 tạ/ha, hạt thóc dài 10mm.

**- Một số giống chịu phèn mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long**

+ Giống MTL325 (IR 56381-139-2-2-1-1) chịu phèn mặn nhẹ.

+ MTL250 (IR68077-64-2-2-3-2) chịu phèn nhẹ

+ VNĐ 95-20 chịu phèn, năng suất vụ Đông xuân 6-8 tấn /ha, Hè thu 5-7 tấn/ha.

+IR 50404 chịu phèn khá, phổ thích nghi rộng, năng suất 2 vụ trong năm đều cao, ngắn ngày sử dụng để né lũ vụ Hè thu, tỷ lệ bạc bụng cao, chất lượng gạo trung bình.

+ OM 2395-165 chịu phèn mặn nhẹ.

+ OM4498 chịu phèn nhẹ đến trung bình.

+ AS 996- 9 lai tạo từ tổ hợp lai IR64/Oryza rufipugon, lai hữu tính 4 lần hồi giao, giống được công nhận khu vực hóa từ năm 2000. Công nhận chính thức 2002. Năng suất vụ Đông xuân 5-7 tấn/ha, Hè thu 4-5 tấn/ha. Kháng phèn tốt.

+ VNĐ 99-3 là giống đột biến phóng xạ Gama Co60, chịu phèn, chịu hạn rất tốt.

+ IR 42 (NN48) chịu phèn mặn rất tốt.

+ OM 9921 chịu mặn 4%o, chịu phèn khá.

+ OM8017 là giống ngắn ngày, chịu mặn 3-4%o, chịu phèn khá, thời gian sinh trưởng 90-95 ngày.

+ OM6162 và OM7347 là giống lúa thơm, chất lượng gạo tốt có khả năng chịu được phèn mặn.

+ OM6677 thời gian sinh trưởng 85-100 ngày, chịu hạn cấp 1 đến cấp 3 ở giai đoạn mạ và giai đoạn lúa trỗ, chịu phèn mặn, năng suất cao, chất lượng gạo tốt đủ tiêu chuẩn để xuất khẩu.

+ Các giống lúa MC, Bầu tép, Tép lai chịu được phèn mặn tốt.

Như vậy từ thời kỳ1996-2005 các nhà khoa học, các cơ quan nghiên cứu: Viện, trường đã quan tâm đến việc chọn tạo các giống lúa có thể né tránh hoặc thích ứng với thiên tai bão lụt, hạn hán, phèn mặn. Có những giống được đưa vào sản xuất nhưng có những giống ở thời kỳ này đang là thời gian nghiên cứu, chọn tạo để đưa vào sản xuất đại trà sau năm 2005. Đó là những thành quả cụ thể để đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của nông nghiệp.

**5. Lúa chét:** Làm lúa chét là một biện pháp tận dụng quỹ đất đai, lao động và thời gian trước mùa lũ lụt, mưa bão.

Năm 1987, trong thời gian dự khóa huấn luyện dài ngày ở IRRI, chúng tôi có tiếp cận được một tài liệu khoa học về lúa chét (Rice rattooning), Trung Quốc gọi là Lúa tái sinh, ở ta gọi là lúa trau, lúa chét.

Từ xưa, khi gặt lúa xong, gốc rạ sau 30-40 ngày vẫn có những chồi nách trỗ bông lúa chét dài khoảng 10-15cm với vài chục hạt trên bông chín, xanh không đều. Nông dân thường thả vịt ra đồng cho chúng ăn những bông lúa này, cũng có khi tận thu đem về cho gà, vịt ở nhà.

Nhưng ở Viện Nghiên cứu Lúa Quốc tế họ đã nghiên cứu bài bản, hệ thống về lúa chét ở nhiều nước trên thế giới và xây dựng quy trình kỹ thuật thâm canh lúa chét để đạt được năng suất 4-5 tấn /ha.

**a. Làm lúa chét ở phía Bắc**

Năm 1988, Vụ Trồng trọt xây dựng mô hình rộng 50 ha trước đây vốn là đồng chiêm trũng chỉ cấy được một vụ chiêm, bỏ hóa vụ mùa vì nước ngập sâu tại Hợp tác xã quy mô toàn xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Tây cũ. Sau khi thu hoạch vụ lúa xuân 42-45 ngày, hợp tác xã đã thu hoạch thêm một vụ lúa chét trên nền gốc rạ giống Nông nghiệp 8 vụ xuân, năng suất lúa chét có ruộng xấu có ruộng tốt bình quân 11-16 tạ/ha. Khi chọn Phú Nghĩa làm lúa chét triển khai muộn, không chủ động chuẩn bị từ đầu vụ buộc phải thực hiện trên ruộng đã gặt xong vụ xuân rồi tác động kỹ thuật trên gốc rạ sau khi gặt nên năng suất không cao. Tuy vậy, cũng đạt kết quả, hợp tác xã thu thêm 65 tấn thóc trước khi mưa ngập toàn bộ cánh đồng chiêm trũng này. Năm 1989 hợp tác xã Diễn Thành huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ Tĩnh cũ để lúa chét 10 ha trên nền thu hoạch xong lúa Hè thu để có thể thu thêm một vụ phụ trước khi mùa bão lụt tháng 8, tháng 9, năng suất chỉ đạt 0,8-1,2 tấn/ha. Cũng vụ này Hợp tác xã Đại Phong tỉnh Quảng Bình để lúa chét 60 ha năng suất 1-1,2 tấn/ha. Được biết sau này, năm 2013 ở huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình đã để 2.500 ha lúa chét tại các xã Lộc Thủy, Phong Thủy, An Thủy, Liên Thủy. Thanh Thủy, Cam Thủy năng suất đã đạt bình quân 25 tạ/ha, nhiều xã đạt 30-33 tạ/ha, lãi ròng 10 triệu đồng/ha.

Trở lại mô hình lúa chét ở Phú Nghĩa, Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn có đến xem anh em kỹ thuật đã báo cáo có 3 việc phải thực hiện tốt thì ruộng lúa chét sẽ cho năng suất cao:

- Vụ Xuân phải cấy những giống đẻ khỏe, ít nhất có 7-8 bông hữu hiệu/khóm

- Phân bón cho vụ lúa chét phải bón gối trước khi gặt vụ lúa Xuân 5-7 ngày.

- Năng suất lúa chét có tương quan rất chặt đến chiều cao gốc rạ khi thu hoạch lúa Xuân, cắt càng thấp thời gian đến thu hoạch lúa chét càng dài và năng suất càng cao. Ngược lại cắt gốc rạ càng cao thời gian thu hoạch lúa chét ngắn lại, năng suất cũng thấp hơn.

Vụ xuân 1990 Bộ trưởng thăm xã Đức Long huyện Hoàng Long tỉnh Hà Nam Ninh (cũ) là một xã “chiêm khê mùa thối” vụ chiêm thì hạn vụ mùa thì úng dân khổ lắm, đói ăn triền miên, sản lượng lúa chỉ trông vào vụ chiêm. Vụ mùa nước ngập trắng phau đồng ruộng. Những chân ruộng vàn trũng có cấy lúa mùa nhưng bấp bênh, năm mưa ít thu hoạch cũng phải chuyển bằng thuyền bằng thúng. Cảm thông với nỗi khổ của dân, trở về Bộ, ông bảo Cục phó Cục Khuyến nông Quách Ngọc Ân sắp xếp việc ở cơ quan dành thời gian xuống Đức Long cho làm ngay vụ lúa chét để dân có thêm ít thóc trước khi mưa úng ngập lại đến. Có khó khăn gì không, Bộ trưởng hỏi ? ”Cục phó trả lời: Anh bảo em phải đem gạo xuống đưa cho chủ nhà nấu cơm trong thời gian chỉ đạo ở đây không được ăn gạo của dân họ đang thiếu lương thực. Nhưng báo cáo anh sổ gạo anh em đã 2 tháng nay chưa đong được vì cửa hàng lương thực không còn gạo”. Ông nói tiếp “cậu đi đi, lúc này mình đang cần những cán bộ thương dân, xuống giúp đỡ họ, còn không có gạo để mình viết thư cho cô Hảo (Chị Hảo là Giám đốc công ty lương thực sông Hồng) để cô ấy bảo cửa hàng lương thực ưu tiên bán gạo cho cậu”. Ông nói thế, nhưng nào có thấy thư đâu mà được ưu tiên, lúc đó chỉ nghĩ ông đã tin và ông cần cán bộ thương dân thế là chúng tôi đem theo ít tiền, đạp xe xuống Đức Long. Đường từ Hà Nội đến Đức Long phải qua thị xã Phủ Lý (bây giở là Thành phố Phủ Lý) đến Gián Khẩu rẽ về Me Đế qua phà Đế đạp một thôi nữa mới đến Đức Long. Quãng đường dài dễ chừng đến 80-90 cây số đạp xe dưới cái nắng tháng 5, tháng 6 mà quên khổ vì nghĩ Bộ trưởng đã coi mình là cán bộ thương dân.

Đến nơi, sau khi trình bày với Ban quản trị hợp tác xã là Bộ trưởng cử tôi đến Đức Long làm lúa chét để thu thêm một vụ phụ sau khi thu hoạch vụ chính là vụ lúa xuân. Bộ trưởng bảo tôi phải đem gạo đi, không được ăn gạo của dân mà tôi thì chưa đong được gạo nên gửi hợp tác xã 400 đồng nhờ các anh đong hộ, coi như tôi góp tiền ăn.

Để đỡ phiền dân, hợp tác xã bố trí tôi ăn ngủ ngay văn phòng của Hợp tác xã có bác già trông coi văn phòng giúp nấu nướng cho tôi ăn. Đêm đầu tiên và nhiều đêm tiếp theo tôi mắc màn ngoài hiên để ngủ vì văn phòng hợp tác xã có điện đâu mà nghĩ đến quạt máy. Tôi đã từng đi nông thôn nhiều nơi, ở đồng bằng, trung du, miền núi chưa thấy đâu như cái trụ sở văn phòng hợp tác xã này: Không điện, không nước, chỉ cần nước giếng cũng không có, không nhà vệ sinh, gay nhất là vệ sinh, nếu cần thì phải đi bộ đến trạm y tế xã cách văn phòng hợp tác xã 100 m hoặc nhở nhà dân trong xóm. Còn tắm giặt thì ra ngoài ruộng dùng nước của chuôm nuôi cá. Nước ruộng mùa hè thì nóng lắm, chiều tối rồi mà nước vẫn còn nóng. Buổi tối bên ngọn đèn dầu, chả biết chuyện trò với ai. Ông già coi Văn phòng ăn ngủ ở nhà trong xóm. May có đứa trẻ nhà nó cạnh ngay Văn phòng, tôi làm quen rồi kể chuyện cổ tích cho nó nghe, cu cậu thích quá tối nào cũng đến ngủ với tôi để còn nghe kể chuyện. Vơi được nỗi buồn thì lại khổ vì đứa trẻ đêm nào cũng ngủ lại với tôi ở ngoài hiên, đã nóng có thêm thằng bé lại càng nóng.

Một số ngày sau khi triển khai vụ lúa chét ở Đức Long, cơ quan cử ông Lê Hồng Nhu, Trưởng phòng Cây lương thực đến Đức Long để tăng cường cho tôi. Có ông Nhu là có người chia sẻ ăn ở, làm việc, đi lại rất vui và thú vị. Tôi nhớ mãi có một buổi chiều tối, sao hôm đã mọc ở phía xa, hai đứa múc nước ruộng ở chuôm tắm cho nhau, ông Nhu tức cảnh ngâm thơ: “Ai xui ta đến nơi này, Khổ ơi là khổ biết ngày nào qua”. Ông Nhu cho tôi đã bày ra làm lúa chét nên ông mới phải đến đây để tắm nước ruộng.

Vụ lúa chét ở Đức Long đã không đạt được kết quả như mong muốn. Khu ven núi mọi năm vào thời gian này nước ngập mênh mông nhưng vụ ấy nắng hạn khô nẻ mặt ruộng đến nỗi gốc rạ cũng khô chết thì lấy đâu ra mà có lúa chét. Mấy cô xã viên cười rúc rích: “Các anh cán bộ ơi, lúa chét nó đội nón thành lúa chết rồi”. Một vài thửa ruộng ở sát chân núi có ẩm nên cho thu hoạch chút ít, tính ra cũng được 300-400 kg/ha. Đấy là mấy sự việc khi làm lúa chét ở phía Bắc có thành công, có thất bại nhưng nói chung là thiếu sự hấp dẫn.

**b. Làm lúa chét ở Đồng bằng sông Cửu Long**

Ở Đồng bằng sông Cửu Long bà con thường đẩy thời vụ lúa hè thu gieo sạ sớm hơn như: Vụ lúa Xuân hè được gọi là Hè thu sớm, sau khi thu hoạch sẽ lấp vụ bằng một vụ lúa Hè thu muộn hay cọn gọi lúa vụ Thu đông. Bộ phận diện tích lúa Thu đông trong đê bao thì ăn chắc nhưng ngoài đê bao thì bấp bênh, phụ thuộc vào lũ về của sông Mekong lũ về muộn, lũ nhỏ thì được ăn, lũ chụp sớm, lũ lớn thì mất ăn.

Trong 68 năm, từ 1926 đến 1994 có 21 cơn lũ cao (tại Tân Châu sông Tiền xấp xỉ 4m7), bình quân 3,2 năm có một lần lũ cao 4,7m. Trong 68 năm xẩy ra 10 lần lũ cao 4,9m, trong đó có 2 năm lũ cao 5 m là năm 1961(5m28) và năm 1966 (5m27).

Từ năm 1975 đến 1994 (19 năm) có 4 cơn lũ cao: 1978 (4,94m), 1984 (4m 96), 1991 (4,8m), 1994 (4,67m). Trong 4 cơn lũ này có thời gian báo động số 1 kéo dài: Năm 1978 từ 2/8-23/11, năm 1991 từ 6/8-23/11, năm 1994 báo động số 3 tử 21/7 – 18/10.

Về thiệt hại: Diện tích bị ngập1984: 142.000 ha, trong đó lúa Hè thu 24.800 ha, năm 1991 ngập 85.800 ha trong đó lúa hè thu ngập 12.200 ha, năm 1994 ngập 31.400 ha trong đó lúa Hè thu ngập 5.100 ha. Số liệu thu thập đầu những năm 90 thế kỷ trước cho thấy tổng chiều dài bờ bao ở Đồng bằng sông Cửu Long là 20.000 km. Tỉnh lớn như An Giang 4.200 km, tỉnh ít như Long An 800 km. Diện tích trong bờ bao 583.000 ha. Diện tích ngoài bờ bao 300.000 ha.

Vì quỹ đất ngoài bờ bao còn lớn, quỹ thời gian sau khi thu hoạch lúa Hè thu đến trước khi lũ về (khoảng 10-15/8) cũng còn gần 2 tháng, nếu lũ về muộn thì thời gian còn nhiều hơn. Lao động sẵn có, chính vì thế có đánh bạc với trời bà con vẫn gieo cấy thêm một vụ nữa ngoài bờ bao.

Suy nghĩ có lẽ ăn thêm một vụ phụ tức là để lúa chét, nếu làm bài bản có thâm canh, có quy hoạch ngay từ vụ trước của ruộng để chét có thể thu hoạch thêm 2-3 tấn/ha là điều chắc chắn.

Cho nên năm 1992, tài liệu và quy trình kỹ thuật để lúa chét đã được chuyển vào cho ông Ngô Văn Phiếu, Trưởng đại diện Văn phòng Cục Khuyến nông ở phía Nam để bàn bạc với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long xây dựng mô hình làm thử lúa chét, nếu có kết quả sẽ mở ra diện rộng, coi đó như thêm một trong các biện pháp sản xuất lúa ngoài đê bao một cách an toàn, bền vững. Nhưng rồi lúa chét ở đồng bằng sông Cửu Long cũng không thực hiện được.

**IX. CHỦ TRƯƠNG KỸ THUẬT “3 GIẢM 3 TĂNG” VÀ “1 PHẢI 5 GIẢM”**

Tháng 6/2011 sau nhiều năm thí nghiệm ở các tỉnh Nam bộ phòng trừ rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá gây hại do gieo sạ không đúng vụ. sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không thực hiện “ 4 đúng”, nhóm tác giả Phạm Văn Dư, Phạm Sỹ Tân, Nguyễn Hữu Huân thực hiện tử năm 2001 đã đề xuất phải thực hiện “3 giảm 3 tăng” đó là: Giảm lượng giống gieo sạ, giảm lượng thuốc trừ sâu bệnh, giảm lượng phân đạm hóa học trên đơn vị diện tích. Đề xuất đó đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT đồng ý cho xây dựng thành một Chương trình (2012) để triển khai rộng khắp nhằm tăng năng suất, tăng chất lượng gạo, tăng hiệu quả kinh tế. Tổ sản xuất lúa ở Bến Thế xã Tân Vinh huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh thực hiện tiết kiệm nước tưới vẫn đảm bảo yêu cầu sinh lý của cây lúa nên chỉ thực hiện bơm tát khi nước ruộng dưới 20 cm đã tiết kiệm được 300.000 đồng/ha. Việc thu hoạch lúa thực hiện bằng máy chỉ tốn 200.000 đồng/2000 m2, tiết kiệm hơn nhiều so với gặt thủ công, ngoải ra còn giảm được rơi vãi thóc khi thu hoạch. Trên diện tích 20 ha của mô hình năng suất đạt 7,3 tấn/ha (năng suất bình quân trong vùng là 5,8 tấn/ha), giảm chi phí phân bón được 294.000 đồng/ha, giảm thất thoát từ 7% còn 3%.

Tổ công tác đứng đầu là Thứ trưởng Bùi Bá Bổng đã đề nghị nâng yêu cầu từ “3 giảm 3 tăng” lên “ 1 phải 5 giảm” . Nội hàm của “ 1 phải 5 giảm” là:

- Phải sử dụng giống xác nhận

- Giàm phân bón: Không bón quá lượng phân theo quy trình

- Giảm lượng giống sạ hàng theo định mức 80-120 kg/ha

- Giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật, sử dụng theo “4 đúng”

- Giảm nước tưới: Thực hiện tưới ngập khô xen kẽ.

- Giảm thất thoát sau thu hoạch và độ ẩm bảo quản không quá 14%.

Thực hiện 1 phải 5 giàm tại mô hình ở Trà Vinh, giá thành sản phẩm lúa 297 đống/kg, ở đại trà là 328 đồng/kg, lợi nhuận 40 triệu đồng/ha cao hơn lợi nhuận đại trà 21,96 triệu đồng/ha và cao hơn đại trà trong vùng là 18,2 triệu đồng/ha.

An Giang là tỉnh đi đầu thực hiên “1 phải 5 giảm’ từ năm 2006 trên diện tích lớn 3.353 ha

- Lượng giống sạ vụ hè thu là 110-115 kg/ha giảm 53,5 kg/ha so với lượng giống vụ Đông xuân và 87,8 kg so với vụ Hè thu trước.

- Urê giảm được 41,5 kg/ha

- Giảm 2,4 lần phun thuốc so với vụ Đông xuân và 2,1 lần so với vụ Hè thu.

- Bơm nước tưới lúa giảm 2,7 lần, tiết kiệm 102.000 đồng/ha so với vụ Đông xuân và 1,2 lần so với vụ Hè thu trước.

Trên cơ sở báo cáo kế quả, hiệu quả của nhóm tác giả, biện pháp “1 phải 5 giảm” đã được công nhận là tiến bộ kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất đại trà.

**X. VỀ CHỦ TRƯƠNG TRỒNG CAO SU Ở BẮC TRUNG BỘ VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC.**

Việc thực hiện chủ trương trồng cao su ở các tỉnh vùng Bắc Trung bộ có từ 1959-1961 và sau này ở các tỉnh Miền núi phía Bắc (có từ cuối những năm 1990 đầu năm 2000) là một chủ trương mạnh dạn, muốn tìm lối thoát xóa đói giảm nghèo ở những vùng này dựa vào tài nguyên đất đai và lao động vốn tiềm năng chưa được khai thác hết. Tuy nhiên, cũng nên nhìn một cách khách quan những mặt được và chưa được trong việc trồng cao su ở các vùng này trong thời kỳ 1996-2005.

**1. Sơ lược về nguồn gốc cao su**

Cao su có nguồn gốc lưu vực sông Amazon, tập trung ở các nước Brazin, Bolivia, Peru, Columbia, Ecuador, Venezuela, Suriam, French Guana.

Vùng sinh thái thích hợp: Mưa 1.500-2.000mm, (100-150 ngày mưa/năm), không có mùa khô hay mùa khô kéo dài từ 1 đến 5 tháng với 1.600-1.900 giờ nắng, gió nhẹ 1-3 m/giây.

Cao su có mặt ở Việt Nam từ 1892 do nhập nội từ Indonesia 2.000 hạt giống, tỷ lệ thành cây 80% có 1.000 cây trồng ở Trạm Thực vật Ông Yệm (nay là Viện Nghiên cứu cao su Việt Nam), 200 cây được Bác sỹ Yesin trồng thử ở Suối Dầu (Long Khánh, Đồng Nai). Hiện nay tại đây còn lưu giữ được vườn cao su cổ nhất Việt Nam. Việt Nam đứng thứ 3 thế giới về sản xuất cao su với diện tích 969.700 ha (diện tích kinh doanh 653.200 ha), sản lượng mủ 1.094.500 tấn. Năng suất trung bình 1.675 kg/ha/năm. (nguồn VRA 2017).

**2. Cao su ở Bắc Trung bộ**

Năm 1959-1961 có chủ trương trồng cao su ở Quảng Bình, Quảng Trị như nông trường Bến Hải, nông trường Quyết Thắng (Quảng Trị), Nông trường Việt Trung (Quảng Bình). Nguồn giống nhập từ đảo Hải Nam, Trung Quốc. Năm 1960-1962 diện tích 900-1.000 ha. Sau năm 1975 diện tích cao su mở rộng trong cả nước. Năm 1996 Chính phủ phê duyệt quy hoạch cao su, trong đó Bắc Trung bộ 42.000 ha (Thừa Thiên Huế 3.000 ha, Quảng Bình 8.000 ha, Quảng Trị 1.200 ha, Hà Tĩnh 3.000 ha, Thanh Hóa 6.000 ha, Nghệ An 10.000 ha). Việc phát triển trồng cao su được lồng ghép với chương trình 327. Đến năm 2007 đạt 47.000 ha. Năm 2009 đạt gần 60.000 ha cũng là năm Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cao su lần thứ 2, trong đó tiếp tục trồng mới cao su ở Bắc Trung bộ 20.000 ha, đảm bảo ổn định để đến năm 2015 có 80.000 ha. Năm 2013 đã đạt và vượt mục tiêu 2.000 ha ở Hà Tĩnh, đưa tổng diện tích cao su trong vùng là 82.000 ha. Giá cao su trung bình 50-60 triệu đồng/tấn, thời điểm cao nhất là 120 triệu đồng/tấn (có được giá này lại an toàn không chịu ảnh hưởng thiên tai thì khoảng 2 năm có thể thu hồi vốn).

Thiên tai ở Bắc Miền trung là bão. Từ năm 1970 (diện tích trồng bắt đầu cho khai thác mủ), đến năm 1990 có 40 cơn bão , trong đó có 7 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến cao su. Từ năm 1997 (sau thời điểm Chính phủ phê duyệt qui hoạch cao su lần 2) đến trước cơn bão số 10 và 11 năm 2013 có 9 cơn bão ảnh hưởng đến cao su, trong đó có 2-3 cơn ảnh hưởng nặng là cơn bão số 5 (2007) và bão số 10 (2013) rất mạnh, kéo dài trong 5 giờ, cây gì cũng đổ chứ không chỉ riêng cao su. Bão số 11 (2013) diện tích cao su gẫy đổ ở Hà Tĩnh là 400 ha, Quảng Bình 7.100 ha, Quảng Trị 1.750 ha, Quảng Nam 400 ha. Cũng cần nói thêm rằng: Gỗ cao su rất giòn, dễ gẫy vì vậy bão giật cấp 9, cấp 10 đã có thể làm cho cao su đổ gẫy. Cho nên, sau khi bị các cơn bão lớn gây thiệt hại nặng nề đến với cao su lại nổ ra việc tranh luận, phản biện có nên trồng cao su ở vùng thường xuyên bị gió bão đe dọa hay không?. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh và ngành nông nghiệp ở những tỉnh này cho rằng bão giật cấp 10, cấp 11 thậm chí có thời điểm đạt cấp 12-13 thì cây gì cũng đổ đừng đổ tội cho cây cao su. Vấn đề là cần xác định trồng ở đâu, trồng bao nhiêu và tổ chức trồng che chắn gió, bảo vệ cho cây cao su thế nào?

**3. Cao su ở Tây Bắc**

Theo kế hoạch đến năm 2020, diện tích trồng cao su ở Tây bắc sẽ mở rộng 90.000 ha, Năm 2000 cao su đã được 1-2 tuổi phát triển tương đối tốt và hứa hẹn nhiều triển vọng. Khác với Đông Nam bộ, Tây nguyên, cao su ở Tây bắc trồng trên đất dốc, tầng đất mỏng, mùa đông lạnh, nhiệt độ thấp nên thời kỳ kiến thiết cơ bản kéo dài 6-9 năm, tán cây nhỏ, độ che phủ đất thấp. Hiện tượng xói mòn, rửa trôi đất lớn làm giảm độ phì nhiêu của đất ảnh hưởng đến cân bằng dinh dưỡng cho cao su.

Vì vậy ở thời kỳ kiến thiết cơ bản cho cao su, giữa các hàng phải trồng xen cây phủ đất, tốt nhất là cây họ đậu, có nơi trồng ngô hoặc trồng cỏ cho gia súc hay cây lạc dại.

Tại các tiểu vùng khí hậu khác nhau như ở Mai Sơn (Sơn La), Mường Ẳng (Điện Biên), Tam Đường (Lai Châu) trồng giống lạc HL5, MĐ7 trong vụ xuân và vụ Xuân Hè năm 2009 và 2010 đều đạt năng suất 1,2-2,1 tấn/ha, quan trọng hơn là cây lạc có độ che phủ đất cao, cải tạo độ phì của đất tốt. Cũng trong 2 vụ Xuân Hè trên đây trồng giống đậu tương ngắn ngày ĐT12, ĐT14 sinh trưởng khá, có tính chống chịu cao đã cho năng suất 1,5-1,7 tấn/ha hoặc trồng đậu xanh giống ĐX11 VN99-3 năng suất trồng xen với cao su cũng không thua kém nhiều so với trồng thuần. Có nơi trồng ngô với giống LVN184, LVN14 là những giống ngắn ngày cho năng suất 6 tấn/ha. Tại huyện Thuận Châu (Sơn La) người ta trồng cỏ xen cao su với các giống cỏ: Briamha, Panicum, Maxumum, VA06 là cỏ thân bò tỏ ra thích hợp. Những cách làm trên đây được Phòng nông nghiệp và Trạm Khuyến nông các huyện ở địa bàn có trồng cao su phối hợp chỉ đạo mang lại kết quả tốt. Anh em phấn khởi gọi đó là mặc áo cho đất cao su Tây Bắc.

Thực ra, theo quy hoạch tổng quan phát triển cây cao su tại Quyết định 86 TTg của Thủ tướng Chính phủ không có vùng Đông bắc. Tuy nhiên từ 100 ha trồng năm 2006 ở huyện Phong Thổ (Lai Châu) nay đã có 450 ha (2008), Lai Châu 1.300 ha, Điện Biên 900 ha, Sơn La 2.100 ha, Hòa Bình 10 ha. Dự kiến đến 2020 diện tích cao su ở Lai Châu, Điện Biên, Sơn La sẽ đạt 6.500 ha.

Nhưng do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế thế giới, cao su rớt giá còn 20 triệu đồng/tấn. Bắt đầu từ tháng 7/2008 giá cao su giảm liên tục.

Ông Lê Quang Thung, Tổng Giám đốc Tập đoàn cao su Việt Nam cho biết: Suất đầu tư 70 triệu đồng/tấn, năng suất 2 tấn mủ/ha, giá bán 14-16 triệu đống/tấn thì hòa, công nhân có lương 2 triệu đồng/tháng. Giá bán 12-14 triệu đồng/tấn chưa lỗ nhưng lương công nhân chỉ còn 1 triệu đồng/tháng. Ngay cả khi giá xuống tới 7 triệu đồng/tấn thì vẫn có thể hòa kể cả khi không cạo mủ, cao su vẫn cho giá trị sản lượng 120 triệu đồng/ha. Có lẽ trên triết lý kinh doanh này, Tổng Công ty cao su Việt Nam vẫn quyết tâm cho mở rộng trồng cao su ở Tây Bắc. Quyết định 750/QĐ- TTg đến năm 2020 Tây Bắc trồng 50.000 ha cao su. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Thông tư 53 hướng dẫn thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo đó 3 tỉnh Tây bắc được quy hoạch đến năm 2015 là 57.500 ha, vượt mục tiêu năm 2020 là 7.500 ha. Vùng Tây bắc ngoài Quyết định 750 như Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Phú Thọ cũng được quy hoạch đến năm 2015 trên 20.000 ha. Các tỉnh biên giới Việt Trung nhập thẳng giống cao su Vân Nghiên 77-2, Vân Nghiên 77-4 (VN77-2 và VN77-4) là các giống chịu rét giỏi. Ngoài ra sử dụng các giống trong nước như: GT1, RRIM600, PB260, RRIC100 là những giống có năng suất cao nhưng yếu chịu rét, đặc biệt là giống PB260.

Năm 2011 là năm mùa đông rét nặng có nhiều đợt gió mùa đông bắc kéo dài, liên tiếp nối nhau, nhiệt độ rét hại dưới ngưỡng 13oC xẩy ra tập trung trong tháng 1, tháng 2 đã làm cho cao su Tây bắc chết rét 5,1% diện tích, trong đó Sơn La 76 ha, Điện Biên 522 ha, Lai Châu 154 ha. Ở Đông bắc thiệt hại 80,7% diện tích (gần như bị xóa sổ) trong đó Hà Giang 1.159 ha (97% diện tích), có 883 ha (76%) chết 2/3 số cây và 235 ha chết 40-70% diện tích. Yên Bái 360 ha (60% diện tích) chết đỉnh sinh trưởng, Phú Thọ 110 ha đều bị ảnh hưởng rét trong đó có 78 ha (25,3%) bị chết hoàn toàn. Lào Cai thiệt hại 25 ha (25,3% diện tích), trong đó 5 ha chết hoàn toàn còn lại 20 ha có 80% số cây bị chết.

Có thể nói lãnh đạo các tỉnh vùng Bắc Trung bộ và vùng Tây bắc đã cùng nhân dân có sự hỗ trợ của Tổng công ty cao su Việt nam vượt qua khó khăn thiên tai bão lớn ở Bắc Trung bộ, rét hại vùng Tây bắc và cao su bị rớt giá do khủng hoảng kinh tế (2008) để giữ cây cao su trụ được ở 2 vùng này.

Theo nguồn của VRA (2017), diện tích cao su ở Bắc Trung bộ, Duyên hải miền Trung và miền núi phía Bắc là 142.461 ha, bằng 14,6% diện tích cao su cả nước, năng suất bình quân 1.237 kg/ha/năm, trong đó: Thanh Hóa 14.889 ha, Nghệ An 11.698 ha, Hà Tĩnh 8.479 ha, Quảng Bình 14.152 ha, Quảng Trị 19.411 ha, Thừa Thiên Huế 8.907 ha, Quảng Nam 12.890 ha, Quảng Ngãi 1.639 ha, Bình Thuận 42.700 ha.

Các tỉnh miền núi (vùng Tây bắc và Đông bắc) 30.347 ha bằng 3,1% diện tích cao su cả nước, sản lượng 1.917 tấn, năng suất bình quân 732 kg/ha/năm. Hà Giang 1.514 ha, Lào Cai 2.858 ha, Yên Bái 4.959 ha, Lai Châu 12.679 ha, Sơn La 6.039 ha, Điện Biên 3.737 ha.

Việc phát triển cao su ở Tây bắc và cả Đông bắc vẫn là câu hỏi chưa có đáp án, nói cách khác cuộc tranh luận về trồng cao su ở miền núi phía Bắc vẫn chưa có hồi kết bởi những khó khăn vẫn còn đeo bám như: Mùa mưa xối xả, dữ dội, mùa đông thì giá rét khắc nghiệt. Đất trồng cao su là đất dốc, có khi vượt quá 45o, diện tích manh mún chỉ có thể phát triển cao su tiểu điền. Năng suất cao su ở tuổi 15-16 năm khoảng 800-1.000 kg/ha/năm. Sản lượng cao su vùng này thấp chưa đạt ngưỡng từ 3.000 tấn/năm trở lên để xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại chỗ. Nếu thu gom sản lượng mủ từ các xã về tập kết ở nơi có nhà mày là phương án khả thi nhưng lại đội giá thành về phí giao thông sẽ lớn do địa hình chia cắt, chất lượng mặt đường chưa tốt, có nơi còn gập ghềnh khó đi. Cuối cùng là khó khăn về chất lượng lao động. Người trồng cao su phải có kỹ năng, được đào tạo huấn luyện thành thục, không thể dùng lao động tận dụng. Điều này thật khó đối với vùng dân tộc ít người.

Dù sao thì việc trồng cao su ở Tây bắc và Đông bắc là một chủ trương táo bạo nhưng chưa thể mở ra bước đột phá trong thời kỳ 1996-2005 ở các vùng này.

**XI. CHỦ TRƯƠNG ĐI TẮT ĐÓN ĐẦU TIẾN BỘ KỸ THUẬT MỘT SỐ CÂY**

Hồi ông Nguyễn Công Tạn là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, ông nổi tiếng là con người nhanh nhạy, thích khám phá và áp dụng cây trồng mới bằng con đường đi tắt đón đầu tiến bộ kỹ thuật, có lẽ ông sợ tụt hậu cho nên phải bạo dạn, dám chấp nhận ngay cả khi thất bại. Ông giao cho Cục Khuyến nông dùng kinh phí khuyến nông (mỗi loại cây trồng phải đầu tư 5-6 tỷ đồng) để nhập một lượng giống lớn làm mô hình trình diễn trên diện tích rộng đủ sức thuyết phục và cũng để nhân nhanh có một lượng giống lớn cung cấp cho sản xuất đại trà. Ông chủ trương tất cả các cây trồng mới nhập về vừa nhân giống vừa mở rộng:

- Măng Bát độ nhập của Trung Quốc để trồng trên cơ đê vừa để chắn sóng vừa cho măng ăn thậm chí còn xuất khẩu.

- Mắc ca nhập về từ Úc vừa để cung cấp hạt cho thị trường trong nước vừa để xuất khẩu. Ông nhẩm tính về cây Măc ca theo kiểu cơ học: 1 ha năng suất 3 tấn, giá mỗi kg là 3,5 USD, vậy 1 ha cho 10.000 USD, nếu ta có 100.000 ha thì sẽ có 1 tỷ đô rồi từ đó thông tin không đến nơi đến chốn người ta chụp cho cây Măc ca cái mũ to tướng “Mắc ca là cây tỷ đô”.

**1. Trồng tre lấy măng**

Tre Bát độ chỉ là một trong nhóm giống tre trồng để lấy măng như: Tre Bát Độ, tre Điền Trúc, tre Mạnh Tông, tre Lồ 6, trong đó tre Bát Độ , tre Điền Trúc chịu hạn hơn cả.

Ở An toàn khu Định Hóa (Thái Nguyên) các cụ nói rằng: Rừng tre Bát Độ ở đây do Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người đầu tiên đem mống tre về trồng. Thì ra chủ trương mở rộng trồng tre lấy măng của Bộ trưởng đã đi sau Đại tướng vài chục năm.

Thực hiện chủ trương của Bộ Nông nghiệp và PTNT về trồng tre lấy măng, tỉnh Yên Bái đã nhập mống tre Bát Độ của Trung Quốc về trồng, tỷ lệ cây sống chỉ 50%, Tre được trồng từ năm 2003, những năm đầu có măng không bán được đành để lại thành tre.

Năm 2005, Công ty Vạn Đạt, 100% vốn nước ngoài và Công ty CP Yên Thành đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu xuất khẩu măng sang Nhật Bản, Đài Loan. Hơn 10 năm sau việc trồng tre lấy măng đã mang lại ích lợi kép.

Tre trồng 600-650 gốc/ha ở độ cao 500m so với mặt nước biển. Đầu tư mống tre giống 3 triệu đồng/ha. Năng suất bình quân đạt 20-25 tấn/ha, thâm canh đạt 70 tấn/ha. Công ty Vạn Đạt đầu tư hàng trăm hộ tại huyện Trấn Yên, Văn Yên, Công ty Yên Thành đầu tư 500 ha ở huyện Lục Yên,Yên Bình. Đến nay Yên Bái đã có 3.706 ha tre lấy măng ở Trấn Yên, Yên Bình, Văn Yên. Riêng Trấn Yên đã trồng được 2.476 ha.

Năm 2017 Yên Bái trồng mới được 1.820 ha, trong đó xã Kiên Thành 1.268 ha, Hồng Ca 419 ha, Hùng Khánh 78 ha, Tân Đồng 55 ha. Thu nhập bình quân 30 triêu đồng/ha.Thu nhập măng Bát Độ 150-200 triệu đồng/ha. Mỗi năm măng Bát Độ mang lại cho tỉnh 90-120 tỷ đồng/năm.

Mùa thu hoạch măng từ tháng 6 đến tháng 10. Măng để cả vỏ giá 1.500 đồng/kg. Măng đã bóc vỏ 4.500 đồng/kg, măng củ 10.000 đồng/kg. Công ty Vạn Thành xuất khẩu được 12.000 tấn/năm. Công ty Yên Thành xuất 2.000 tấn/năm.

Huyện Hữu Lũng (Lạng Sơn) trồng 130 ha, sau trồng một năm bắt đầu thu hoạch, sau 3 năm trở lên năng suất sẽ cao và ổn định. Mùa thu hoạch măng ở Lạng Sơn từ tháng 7 đến tháng 11. Diện tích thu hoạch ở Hữu Lũng, Lạng Sơn sau một năm trồng là 44 ha, năng suất 900 kg/sào (25 tấn/ha), sản lượng 1.105 tấn.

Năm 2000, Làng Thanh niên lập nghiệp ở Nghệ An bắt đầu trồng thực nghiệm, năm sau mở rộng ra các xã Trường Thủy, Văn Thủy, Xuân Thủy. Mật độ trồng 30-32 gốc/sào (500m2), năng suất trung bình 1-1,2 tấn/sào, thâm canh đạt trên 2 tấn/sào, thu nhập từ 4,5-7,0 triệu đồng/sào (khoảng 80-100 triệu đồng/ha).

Không như sở cành mềm, trồng tre lấy măng (tre Bát Độ, Điền Trúc, Mạnh Tông, Lồ 6…) mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, ngoài sản phẩm bán trong nước còn xuất khẩu với khối lượng lớn. Đây là chương trình khuyến nông đáp ứng mong muốn của người dân, được người dân hưởng ứng mạnh mẽ giúp cho họ có thu nhập cải thiện đời sống đúng với cách làm khuyến nông trao cho họ chiếc cần câu mà không trao cho họ con cá, có cần câu dân sẽ biết tự mình câu lấy cá.

**2. Mở rộng diện tích trồng cây Mắc ca**

Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn có tham vọng nước ta trồng được 100.000 ha Mắc ca để có thu nhập 1 tỷ USD/năm. Cho nên, một mặt ông hối thúc Trung tâm nghiên cứu giống cây rừng thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp trồng được 10 cây Mắc ca vào năm 1994. Đến năm 1999 (5 năm sau trồng) đã có một số cây cho quả bói. Năm 2010 có 2 cây cho được 10kg quả/cây, năm 2013 đã đạt 20 kg quả/cây.

Mặt khác ông hối thúc khuyến nông phải sang ngay Đại học Nông nghiệp Quảng Tây (Trung Quốc) tham quan, khảo sát về cây Mắc ca đồng thời chuẩn bị sẵn kinh phí khuyến nông để nhập giống và làm mô hình kết hợp nhân giống có bước mở rộng Mắc ca ra sản xuất đại trà.

Sau khi làm việc và trao đổi với Ban Giám đốc Đại học nông nghiệp Quảng Tây về nhiệm vụ do Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn trao cho, ông Giám đốc nhà trường rất nồng nhiệt đón tiếp và tạo thuận lợi cho chúng tôi trong đợt tham quan khảo sát này (năm 1994).

Chúng tôi đến Nông trường Kim Quang, trực tiếp thăm khu sản xuất trồng 120 ha Mắc ca và cơ sở chế biến hạt Mắc ca của nông trường, Mắc ca ở đây đã được 12 năm tuổi đang thời kỳ kinh doanh ổn định, có thể cho 3-3,5 tấn hạt/ha. Tuy nhiên nông trường cho biết thời kỳ kiến thiết cơ bản khá dài, khoảng 7 năm. Có lẽ do giống nhập từ Úc về chưa được chuẩn nên trong quần thể Mắc ca có nhiều loại cây rất thưa quả, trong khi có nhiều cây khá sai quả, tỷ lệ phân ly (dạng lá, dạng quả) cũng đến vài ba phần trăm. Có một câu hỏi của chúng tôi mà ông Phó Giám đốc nông trường trả lời chưa được thấu: “Các đồng chí nói Mắc ca rất tốt, vậy tại sao đã qua 12 năm mà Kim Quang không trồng thêm một ha nào nữa”?.

Trở lại câu chuyện Mắc ca ở nước ta, một vài mốc thời gian đáng nhớ:

- Năm 2003: Úc tặng Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn 100 cây ghép thuộc 4 dòng và 500 hạt. Bộ trưởng giao cho Công ty CP chế biến nông lâm sản trồng ở Ba Vì.

- Năm 2002-2003 trồng thử ở Con Cuông (Nghệ An) và Tràng Định (Lạng Sơn) 41 cây OC, 36 cây H7 cho quả sau trồng 4 năm cùng với thời gian cho quả của 6 cây H2.

- Năm 2002-2005 Viện Khoa học lâm nghiệp nhập thêm 9 dòng Mắc ca (246, 344, 741, 294, 816, 801, 852, NG8, Dadow) và 2 dòng Mác ca của Trung Quốc OC và A900.

- Năm 2003 nhập 70 kg và năm 2005 nhập 100 kg của 2 giống sai quả.

- Năm 2005, Công ty Vina Macca tham gia dự án 037/VIE/05, Chính phủ Úc cung cấp nguồn giống Mắc ca gồm 10 dòng và nhập thêm 13 dòng nữa từ Trung Quốc, Thái Lan, Hawalli. Công ty xây dựng 2 vườn ươm giống 150.000 cây/năm ở Yên Thủy, Hòa Bình và Krông Năng (Đăk Lăk) mỗi năm cung cấp 70.000-80.000 cây ghép. Các cây đầu dòng sau 3 năm đã cho từ 1,5-3,5 kg quả/cây.

- Năm 2011 Quyết định 3124/QĐ-BNN-KHCN, Dự án Khuyến nông 2012-2015 cấp 14,444 tỷ đồng cho phát triển cây Mắc ca. Công ty Vina Macca đầu tư 1.000 ha, Công ty Mắc ca Điện Biên 4.000 ha. Đến năm 2011 cả nước có khoảng 9.000 ha Mắc ca.

- Đến 9/2016 Tây nguyên có 1.630 ha, Kon Tum 50 ha, Gia Lai 80 ha, Đăk Lăk 500 ha, Đắc Nông 800 ha, Lâm Đồng 400 ha. Là một trong 3 cây trồng mà Bộ trưởng Tạn chỉ đạo Khuyến nông phối hợp với các ngành thực hiện đi tắt đón đầu. Tiến bộ kỹ thuật thì thành công được 2 đó là tre lấy măng và cây Mắc ca, thất bại 1 là sở cành mềm. Như vậy cũng coi là có kết quả khả quan.

Có lẽ nên nói thêm một chút về cây Mắc ca. Đó là cây hoang dại ở vùng mưa nhiệt đới ven biển Queen sland, miền bắc bang New South Wales nước Úc được 2 nhà thực vật học B.F Mueller và WalterHill phát hiện năm 1857. Hill đã trồng thành công, sau đó năm 1888 Chorles Staff đã trồng 250 cây/1,2 ha ở Rous Mill gồm Lismor bang South Wales đến nay đã hơn 100 năm vẫn còn vườn gốc. Ông đã đặt tên cho cây trồng này là Mắc ca để nhớ người bạn của ông là John Macacsaadam. Đó là cây vỏ khô 3 lá (Macadamia ternifolia F Mueler).

Năm 1881 đưa Mắc ca từ Úc sang Hawalli. Năm 1960 ở Hawali đã có 1.000 ha, sản lượng 1.360 tấn. Năm 1980 có 15.750 ha, sản lượng 15.300 tấn bằng 90% sản lượng thế giới và đứng thứ 3 sau dứa, mía ở Hawalli. Năm 1997 diện tích Mắc ca ở đây đã lên tới 4,6 vạn ha, sản lượng 6,17 vạn tấn. Diện tích Mắc ca ở một số nước như sau: Mỹ 8.215 ha, Brazin 6.300 ha, Úc 9.020 ha, Kenia 6.050 ha, Costarica 6.000 ha, Nam Phi 4.500 ha, Goatemala 3.200 ha. Sau đó là Zimbabue, Tanzania, Malaysia. Indonesia, Thái Lan, Srilanca, Việt Nam, Peru và Mexico. Năm 1970 Trung Quốc có 2.000 ha trồng ở Vân Nam và Quảng Tây.

**Phát triển cây Mắc ca trong thởi gian tới:** Ngày 29/9/2020, tại TP. Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chủ trì Hội nghị "Kết quả phát triển cây Mắc ca tại Việt Nam thời gian qua; định hướng và giải pháp phát triển trong thời gian tới" do Bộ Nông nghiêp và Phát triển nông thôn phối hợp với UBND tỉnh Đắk Lắk, Hiệp hội Mắc ca Việt Nam tổ chức.



Tai Hội nghị Thủ tướng nhấn mạnh: ***“Rất hiếm có loại cây nào mà tăng trưởng đến 24%/năm, giúp người dân vùng sâu vùng xa xoá đói, giảm nghèo, góp phần làm giàu và bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia tốt như Mắc ca. Đấy chính là tiền đề để chúng ta có trách nhiệm làm thế nào để những cây trồng có giá trị được quan tâm, đầu tư phát triển. Muốn làm tốt điều này, phải hình thành chuỗi liên kết sản xuất mà doanh nghiệp là nòng cốt”.***

Phát biểu chỉ đạo hội nghị, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh, chúng ta có mặt đông đủ tại đây để bàn một chiến lược phát triển mới cho cây Mắc ca. Đó là những vấn đề về quy hoạch, giống, thị trường. Quy hoạch Tây Bắc trồng tập trung, Tây Nguyên trồng xen canh như thế nào để phù hợp với khí hậu và kỹ thuật canh tác. Thủ tướng lưu ý về vốn đầu tư. Để giải quyết vấn đề này, ngân hàng cần đồng hành với người dân và doanh nghiệp, lãi suất hợp lý, thủ tục nhanh gọn.

Sau 5 năm triển khai quy hoạch cây Mắc ca, đến nay cả nước có 23 tỉnh trồng cây Mắc ca, với diện tích trên 16,5 nghìn ha. Trong đó, 9 tỉnh nằm trong quy hoạch ở 2 vùng Tây Bắc và Tây Nguyên trồng trên 15,4 nghìn ha, tăng 55% diện tích so với quy hoạch, còn lại hơn 1.000ha nằm rải rác tại 14 tỉnh khác chưa có trong quy hoạch.

Về sản lượng, năm 2020 các tỉnh dự kiến thu hoạch gần 6,6 nghìn tấn hạt tươi, tăng gần 24,5 lần so với năm 2015. Với giá bán sản phẩm dạng hạt sấy khoảng 200 triệu đồng/tấn như hiện nay, ước tính hơn 4.000 tấn hạt sấy sẽ mang lại giá trị khoảng 788 tỷ đồng (trong đó khoảng 60% xuất khẩu, còn lại phục vụ tiêu dùng trong nước).

Đến nay, sản phẩm Mắc ca của Việt Nam đã xuất khẩu với sản lượng trên 2,4 nghìn tấn sản phẩm sấy/năm tới thị trường các nước như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Mỹ, Pháp...

Có thể thấy rằng, cây Mắc ca đã có những tác động tích cực tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho khoảng 10 ngàn hộ gia đình nông thôn, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, đưa Mắc ca trở thành cây trồng có giá trị cao của ngành Nông nghiệp &PTNT.

Theo dự báo, thời gian tới cả sản lượng cung và cầu trên thế giới đều tăng nhanh với tốc độ cung tăng 9%/năm, cầu tăng 12%/năm, đây là cơ sở quan trọng để Việt Nam phát triển vùng nguyên liệu Mắc ca và tham gia vào thị trường sản phẩm này trong giai đoạn 2021 - 2030 và các năm sau đó. Phấn đấu năm 2030 đạt doanh thu 1 tỷ USD, xuất khẩu đạt 600 triệu USD.

Thế mới thấy Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn là người có tầm nhìn xa trông rộng . Phát hiện cái mới có thể làm ra tiền, có lợi cho dân là ông quyết chí, đồn toàn tâm toàn sức để làm bằng được. Mong muốn của ông đưa cây Mắc ca đạt một tỷ đô dần dần đã thành hiện thực.

**XII.** **NHÌN LẠI THỜI KỲ 1991-2005**

Đây là thời kỳ nông nghiệp nước ta phát triển toàn diện, đồng đều, đã có cơ sở bền vững để chuyển hướng sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa và xuất khẩu bao gồm: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp.

**1. Riêng về sản xuất trồng trọt**

Thắng lợi lớn nhất, rực rỡ nhất là giải quyết được vấn đề lương thực, tạo lập được nền an ninh lương thực bền vững, đưa nước ta từ một nước thiếu lương thực hàng năm phải nhập khầu hàng triệu tấn lương thực trở thành một nước xuất khẩu gạo đứng thứ 2 thế giới (sau Thái Lan, cũng có năm vượt qua Thái Lan để đứng hàng đầu thế giới về xuất khẩu gạo).

Dưới đây là sản lượng lương thực trong thời kỳ 1991-2005

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | Sản lượng lương thực  (1.000 tấn) | Bình quân đầu người  (kg/người) |
| 1990 | 21.450,6 | 324,6 |
| 1995 | 27.000,0 | 351,2 |
| 2000 | 34.553,3 | 345,3 |
| 2005 | 39.380,0 | 399,8 |

Trên cơ sở tạo lập được sự bền vững về an ninh lương thực, năm 1989 nước ta bắt đầu xuất khẩu gạo với số lượng 1,372 triệu tấn và lượng gạo xuất khẩu bình quân các giai đoạn tăng lên rõ rệt.

- Giai đoạn 1991-1995 xuất khẩu bình quân 1,73 triệu tấn

- Giai đoạn 1996-2000 xuất khẩu bình quân 3,66 triệu tấn

- Giai đoạn 2001-2005 xuất khẩu bình quân 4,14 triệu tấn.

Giá trị sản xuất trồng trọt theo giá năm 1994 đạt được như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Giá trị  (tỷ đồng) | Năm | Giá trị  (tỷ đồng) |
| 1990 | 49.604,0 | 1996 | 69.620,2 |
| 1991 | 51.247,5 | 1997 | 70.491,5 |
| 1992 | 55.132,6 | 1998 | 77.629,8 |
| 1993 | 58.906,2 | 1999 | 85.713,6 |
| 1994 | 61.660,0 | 2000 | 90.072,2 |
| 1995 | 60.189,4 |  |  |

(Theo Tổng cục Thống kê)

**2. Về chi đạo sản xuất trồng trọt**

Có nhiều sự việc đã diễn ra trong thời kỳ này (1991-2005) nhưng đáng nhớ một số sự việc có thành công và có thất bại, nhưng cơ bản vẫn là những thành tố tích cực đóng góp cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp ở nước ta. Những sự việc đáng nhở nhất là:

1) Thành lập Hệ thống tổ chức khuyến nông từ Trung ương đến cấp cơ sở và khuyến nông đã trở thành người bạn đồng hành của nông dân trên con đường nông nghiệp đầy khó khăn để đi tới một nền nông nghiệp hiện đại.

2) Phát triển lúa lai, bước đột phá về năng suất lúa và đưa nông dân tiếp cận khoa học kỹ thuật về cây lúa ở trình độ cao. Cụm công trình nghiên cứu, sản xuất và phát triển lúa lai được tặng Giải thưởng Nhà nước về Khoa học công nghệ năm 2000.

3) Thực hiện chuyển đổi cơ cấu giống, mùa vụ và sản xuất để thích ứng với biến đổi khí hậu. Phòng, né tránh thiên tai, chung sống với lũ lụt, hạn hán bước đầu đã có kết quả và bài học bổ ích trong việc né tránh thiên tai.

4) Việc chỉ đạo thực hiên “3 giảm 3 tăng” sau đó được bổ sung “1 phải 5 giảm” được các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long phát động như một phong trào. Nông dân đồng tình thực hiện đã mang lại hiệu quả kinh tế lớn, có ảnh hưởng rộng ra ngoài phạm vi đồng bằng sông Cửu Long.

5) Xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn, khời phát từ An Giang đã được mở rộng trong cả nước với những hình thức và tên gọi khác nhau. Ở miền Bắc là việc dồn điền đổi thửa để có diện tích thửa lớn hơn. Trước khi thực hiện phong trào này diện tích thửa ở miền Bắc bình quân là 498 m2 /thửa, đến nay diện tích thửa đã rộng hơn, bình quân đạt 604,4 m2/ thửa. Việc xây dựng cánh đồng lớn không còn phải làm mẫu nữa mà là xây dựng cánh đồng lớn. Có những khu ruộng rộng vài trăm ha, thuận lợi cho việc thực hiên cơ giới hóa động bộ các khâu và phun thuốc phòng trừ sâu bệnh bằng máy bay điều khiển tự động của cán bộ kỹ thuật tại đầu bờ.

6) Việc tích tụ ruộng đất với nhiều hình thức khác nhau cũng được bắt đầu từ thời kỳ 1991-2005 và đang tiếp tục triển khai. Trong quá trình triển khai có những biểu hiện nôn nóng, buông lỏng quản lý đất đai được tích tụ rơi vào tay những người không trực canh nên đã biến thành loại vật tư đặc biệt mua đi bán lại thu nhập bất chính từ giá chênh lệch của đất đai. Tình trạng này đang được uốn nắn khắc phục để không còn tiếp diễn ở những thời kỳ tiếp theo.

7) Có những vấn đề vẫn còn có những ý kiến khác nhau và chưa có hồi kết, đó là việc phát triển cao su ở vùng Tây bắc, Đông bắc phía Bắc vì ở đây đất đồi núi dốc và có mùa đông rét lạnh. Việc tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến đối với cao su tiểu điền cũng còn nhiều vấn đề cần tháo gỡ nhất là vùng này dân tộc ít người còn nhiều hạn chế về tri thức, nhận thức trong việc tiếp thu khoa học kỹ thuật đối với cây cao su. Cũng cần nhìn thẳng vào sự thật việc phát triển cây sở cành mềm là không hiệu quả.

Những ý kiến trên đây về những việc đáng nhớ trong sản xuất trồng trọt thời kỳ 1991-2005 là những kinh nghiệm tốt cho sản xuất trồng trọt ở các thời kỳ theo sau để sản xuất trồng trọt phát triển ở đỉnh cao mới.

BÀI ĐỌC THÊM

**Cố Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn: Cả đời gắn bó với nông nghiệp, nông dân.**

**Người lo ăn cho cả nước**

Thời gian đầu những năm 1980, Ông Tạn lên làm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm cũng là lúc sản xuất nông nghiệp nước nhà trì trệ, người dân đói nghèo. Theo lời kể của Tiến sỹ Đặng Kim Sơn, Viện trưởng Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (Ipsard), ngày đó miền Nam thì thừa gạo nhưng miền Bắc thì lại đang thiếu gạo. Giao thông khi đó chỉ có đường sắt xuyên Bắc - Nam nhưng vận chuyển cũng rất khó khăn và tốn kém. Lúc này Ông Tạn có ý tưởng xuất khẩu gạo từ phía Nam ra nước ngoài và nhập khẩu gạo vào miền Bắc. Ban đầu, ý tưởng này không nhận được nhiều đồng thuận vì trong lúc dân thiếu gạo thì lại xuất gạo đi...

Nhưng thực tế đã chứng minh việc xuất khẩu gạo mang lại giá trị kinh tế cao đã thúc đẩy sản xuất tại miền Nam vốn đang trì trệ vì thiếu cơ chế thị trường để vận động sản xuất. Cùng với đó nhập khẩu lương thực để bù đắp việc thiếu hụt lương thực trong cả nước, đảm bảo an dân.

Đồng thời chủ trương “khoán 100” rồi “khoán 10” lần lượt ra đời đã giúp sản xuất nông nghiệp Việt Nam có bước bứt phá kinh ngạc. Từ chỗ là nước thiếu lương thực đầu những năm 1980, Việt Nam đã xuất khẩu 1,2 triệu tấn gạo trong năm 1989.

Ông Tạn là người nhạy bén và quyết liệt trong việc thực hiện những chính sách mang tính quyết định trong việc phát triển nền nông nghiệp. Bởi Ông có một sự tự tin đến từ việc nắm bắt nhanh tiến bộ kỹ thuật và gần dân, sát dân.

Theo GS.TS Nguyễn Văn Luật, nguyên Viện trưởng Viện Lúa ĐBSCL là người đồng niên với Ông Tạn: Ông Tạn là người nắm bắt tiến bộ kỹ thuật rất nhanh và chỉ đạo chuyển giao, ứng dụng giống-kỹ thuật vào sản xuất sắc bén.

Thời các ông, giáo trình về nông nghiệp có dạy muốn cải tạo đất phèn, phải bón vôi để trung hòa độ chua, không được bón phân chua như sulfát đạm, supe lân... Tuy nhiên, thực tế quan sát đồng lúa ở ĐBSCL lại cho thấy bón phân cho đồng lúa mới chuyển từ lúa mùa cao cây cổ truyền sang lúa cao sản bằng bất cứ loại phân nào có lân, như phosphorit, appatit, supe lân, DAP... lúa đều tốt hẳn, kể cả bón phân lân chua như supe lân.

Ông Tạn đã mạnh dạn điều chỉnh chính sách nhập khẩu phân bón theo hướng tập trung nhập DAP (18N - 46P2O5) cho ĐBSCL. Thực tế, khi áp dụng chính sách này đã giảm chi phí vận chuyển đến hàng chục tỷ đồng. Nếu kể cả hiệu quả sử dụng phân lân làm cho năng suất lúa tăng thì phải tăng hàng chục, thậm chí hàng trăm lần chi phí tiết kiệm cho Nhà nước.

**Cả đời luôn nghĩ cho nông nghiệp**

Ông Nguyễn Công Tạn là người nhiệt huyết cả đời phục vụ ngành Nông nghiệp. Ông là người quyết tâm đưa công nghệ sản xuất lúa lai và sản xuất hạt giống bố mẹ lúa lai vào Việt Nam, hướng tới nâng cao năng suất và từng bước mở rộng sản xuất lúa lai với chất lượng cao hơn, rút bớt một phần diện tích đất trồng lúa sang làm cây, con khác và hướng đến một ngành Nông nghiệp xuất khẩu.

Chính ông là người tự tay mang mấy chục quả trứng gà Ai Cập vượt hàng ngàn cây số qua nhiều chặng bay, qua mấy cửa hải quan sân bay để nhập về dòng gà Ai Cập, khởi đầu cho việc nhân giống ra diện rộng hiện nay.

Vào năm 1995, trong một lần đi công tác ở Australia, đích thân ông đã nhờ xin hộ 2 quả trứng đà điểu về ấp thử. Nhận thấy nuôi đà điểu có thể là hướng phát triển mới của ngành Chăn nuôi, ông Tạn lấy danh nghĩa cá nhân tiếp tục xin Công ty mía đường Nghệ An Tate&Lyle 100 quả trứng đà điểu (thời điểm đó 100 quả trứng này có giá tương đương 35.000 USD) giao cho Viện Chăn nuôi để nghiên cứu ấp nở và nhân giống. Sau này, nuôi đà điểu trở thành ngành sản xuất hàng hóa mới của Việt Nam, xuất ngược sang các nước Nam Phi, Trung Quốc…

Năm 2002, sau khi nghiên cứu các tài liệu, ông Tạn nhờ một người bạn ở Australia nhập về khoảng 10.000 cây mắc ca trồng thử. Sau hơn 10 năm trồng thử nghiệm, đến nay Mắc ca đang được trồng với diện tích khá lớn ở các tỉnh Tây Nguyên, Tây Bắc…

Nguyên Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn vẫn thường tâm sự với các nhà khoa học: "Làm nông nghiệp, có khi một đời người chỉ nghiên cứu thành công được một giống tốt thôi đã là quý lắm rồi. Huống chi đất nước mình còn khó khăn, năng lực trình độ còn hạn chế, cơ chế, chính sách còn thiếu để phục vụ công tác nghiên cứu nên du nhập những giống người ta đã nghiên cứu, rồi cho khảo nghiệm, nếu phù hợp thì nhân rộng cũng là cách tốt".

Không phải giống nào du nhập về cũng thành công, những lúc thất bại, ông thường động viên cán bộ và xác định quan điểm: Đưa 10 mà được 1-2 là tốt lắm rồi. Ông luôn mong muốn đối với lĩnh vực khoa học, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, đối tượng là sinh vật, rủi ro rất cao, trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế thì áp dụng trong thực tiễn chính là con đường nhanh mà ít tốn kém thời gian, kinh phí của Nhà nước. Làm nông nghiệp không thể chỉ lý thuyết suông.

Ảnh: **Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn với các cán bộ lúa lai**



Từ trái sang phải:

1. Trưởng phòng Lê Hồng Nhu

2. Cục phó Quách Ngọc Ân

3. PGS. TS Nguyễn Văn Hoan

4. Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn

5. PGS. TS Nguyễn Thị Trâm.

**“Hai thế hệ trong một con người”**

Nhiều người đồng sự đã nhận làm học trò của Ông Tạn bởi tư duy và lối sống của ông khích lệ người khác đi lên.

Là người có nhiều thời gian gần gũi với nguyên Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn sau khi hai người đã nghỉ hưu, ông Lê Huy Côn, nguyên Thứ trưởng thường trực Bộ Công nghiệp nhận xét: Ở ông Tạn luôn toát lên tinh thần lạc quan, suy nghĩ tích cực, nhìn nhận mọi việc một cách khoa học, biện chứng.

Còn TS Đặng Kim Sơn thì nhìn nhận: “Cụ Tạn không bị bó buộc tư duy. Thực tế từ lúc làm nông trường rồi làm kinh tế thị trường và xuất khẩu… là suy nghĩ hoàn toàn trái ngược nhau. Hai cách nghĩ của 2 thế hệ trong cùng 1 con người!”. Chính vì vậy, ngay cả khi nghỉ hưu, ông vẫn tiếp tục lặn lội đi tìm những điều mới lạ trong khoa học và cả trong chính sách cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Ông Bùi Xuân Trình, người nhiều năm làm thư ký cho Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn, kể: “Sau khi đã nghỉ hưu, bác Tạn cũng tự tuyển chọn thành công giống lúa RVT chất lượng cao, được gieo trồng ở nhiều địa phương và đã được Bộ NN&PTNT công nhận và một công ty giống cây trồng mua bản quyền. Chỉ mới đầu năm 2014, bác còn nhờ tôi cung cấp số liệu của ngành tài nguyên về khí tượng, thủy văn, về diện tích đất trống đồi trọc từng vùng trong cả nước để có thể lựa chọn một số loại cây đưa vào phát triển phù hợp ở từng vùng và để viết sách...”

GS.TS Nguyễn Văn Luật kể: “Sau khi về hưu, chúng tôi vẫn gặp nhau khi có dịp và thời lượng mà chúng tôi trao đổi về khoa học công nghệ nông nghiệp vẫn chiếm gần hết buổi gặp gỡ này. Điều này thể hiện sự hết lòng vì nông nghiệp, nông dân và nông thôn của anh Tạn”.

Lãnh đạo Cục Khuyến nông-Khuyến lâm nhận xét: Ông Tạn thuộc thế hệ lãnh đạo luôn suy nghĩ và nắm bắt nhanh nhạy thông tin khoa học công nghệ và thị trường để định hướng, chỉ đạo, tư vấn. Những ngày đầu ở Cục Khuyến nông-Khuyến lâm, Ông chỉ đạo anh em trong Cục tập trung làm 5 ưu thế lai gồm: Lúa lai, ngô lai, bò lai (bò sữa), lợn lai, keo lai thành công. Buổi trưa Ông thường không nghỉ, xuống Cục chúng tôi thảo luận, chỉ đạo. Ông khẳng định về nông nghiệp đa mục tiêu, về dinh dưỡng và tầm vóc của con người và nông nghiệp Việt Nam nhiều năm sau. Thực tiễn đã chứng minh những suy nghĩ và tầm nhìn của Ông đã và đang trở thành hiện thực.

Ông Tạn còn đang dang dở với ý tưởng viết sách về vùng đất Tây Nguyên. Theo ông, thắng lợi của ngành nông nghiệp không phải ở “vựa lúa, vựa trái” ĐBSCL, mà là cao nguyên đất đỏ đầy nắng gió từng phải vận động người dân lên khai hoang nay là vùng cây công nghiệp lớn của Đông Nam Á, nơi sản xuất ra loại cà phê Robusta hạng nhất thế giới.

“Tây Nguyên đã thực sự có sức hút của riêng nó nhờ tiềm năng kinh tế nông nghiệp nơi đây. Đó là nơi minh chứng rõ ràng cho việc chính sách đúng đắn vừa giữ được thành lũy của tổ quốc vừa mời gọi người dân đến khai hoang lập ấp”, TS Đặng Kim Sơn, người đang cùng hợp tác ông Tạn viết quyển sách này, tâm sự.

Còn rất nhiều câu chuyện về người lãnh đạo ngành nông nghiệp chưa ngừng nghỉ nghĩ suy trên con đường cách mạng nông nghiệp ông đã chọn. Ông ra đi nhưng biết bao bài học quý giá của ông vẫn còn đọng lại. Những chính sách cho nông dân, vì nông dân của ông vẫn là chặng đường dài mà lớp lớp người làm nông nghiệp sẽ còn bước tiếp…